



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU

-----o0o-----

Số: 14.2025/HHA/CV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----☪☪☪-----

TP.HCM, ngày 04 tháng 12 năm 2024

Kính gửi: - Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội;
- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu
2. Mã chứng khoán: SJ1
3. Địa chỉ liên lạc: 1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, Tp. HCM
4. Điện thoại: 028. 3974 1135 – 028. 3974 1136 Fax: 028. 3974 1280
5. Email: info@hunghau.vn
6. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Hoàng Tân – Tổng Giám đốc.
7. Nội dung công bố thông tin: Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2025.
8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ thông tin trên: <https://himex.vn>

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố. *th*

* Tài liệu đính kèm:

- Tài liệu họp ĐHĐCĐ 2025.

Người thực hiện CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



NGUYỄN HOÀNG TÂN



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Trụ sở: 1004A Âu Cơ, P.Phú Trung, Q.Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.28) 3974 1135 / Fax: (84.28) 3974 1280

Website: <https://himex.vn> /Email: Info@hungchau.vn

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2024

THÔNG BÁO MỜI HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2024

Kính gửi: Quý Cổ đông

Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu trân trọng thông báo và kính mời quý Cổ đông đến dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2025 như sau:

1. Thời gian: 8 giờ 00, thứ Tư, ngày 25 tháng 12 năm 2024.

2. Địa điểm: Khách sạn Nikko Sài Gòn - 235 Nguyễn Văn Cừ, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM.

3. Nội dung: Đại hội thảo luận và thông qua các vấn đề:

- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm tài chính 2024 và kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2025.
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm tài chính 2024.
- Báo cáo hoạt động của HDQT năm tài chính 2024 và định hướng kế hoạch năm tài chính 2025.
- Báo cáo hoạt động của thành viên HDQT độc lập trong Ủy ban Kiểm toán.
- Tờ trình Phân phối lợi nhuận năm tài chính 2024.
- Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán năm tài chính 2025.
- Tờ trình thù lao HDQT, Thụ ký HDQT năm tài chính 2025.
- Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên HDQT nhiệm kỳ 2020 – 2025.
- Tờ trình nhân sự thành viên HDQT nhiệm kỳ 2025 - 2030.
- Một số vấn đề khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ (nếu có).

4. Thành phần, điều kiện tham dự:

- Cổ đông có tên theo danh sách do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh Tp.HCM chốt vào ngày đăng ký cuối cùng 28/11/2024.
- Khi đến tham dự, quý Cổ đông vui lòng mang theo thư mời, giấy ủy quyền (nếu được ủy quyền tham dự), Căn cước công dân, giấy CMND hoặc Hộ chiếu.
- Để công tác tổ chức và đón tiếp được chu đáo, quý Cổ đông vui lòng xác nhận tham dự Đại hội qua điện thoại/gửi thư/email hoặc fax giấy ủy quyền (nếu ủy quyền cho

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 128

A member of HùngHậu





CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Trụ sở: 1004A Âu Cơ, P.Phù Trung, Q.Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.28) 3974 1135 / Fax: (84.28) 3974 1280

Website: <https://himex.vn> /Email: Info@hungchau.vn

người khác) tham dự Đại hội trước 16 giờ 00, ngày 20/12/2024 theo địa chỉ ghi phía trên thông báo.

- Thông báo này thay thư mời trong trường hợp quý Cổ đông chưa nhận được thư mời họp.

5. Tài liệu phục vụ Đại hội:

- Toàn bộ tài liệu phục vụ Đại hội, quý Cổ đông có thể đến nhận tại Trụ sở Công ty hoặc tải từ website <https://himex.vn> (chuyên mục Quan hệ cổ đông) từ ngày 04/12/2024.
- Toàn bộ tài liệu phục vụ Đại hội sẽ cung cấp trực tiếp cho quý Cổ đông tại Đại hội.

Rất hân hạnh đón tiếp quý Cổ đông.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TU THANH PHỤNG



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

613 Âu Cơ, Phường Phù Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 128

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI

- ▶ 8g00 - 8g30: Có đồng làm thủ tục đăng ký dự Đại hội.
- ▶ 8g30 - 9h00: Khai mạc, giới thiệu đại biểu.
- ▶ 9h00 - 10g00: Thảo luận và thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng Cổ đông
- ▶ 10g00 - 10h45: Biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình.
- ▶ 10g45 - 11g00: Giải lao
- ▶ 11g00 - 11g30: - Hỏi & đáp.
- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.
- Bế mạc Đại hội

* Thành phần, điều kiện tham dự, tài liệu phục vụ Đại hội:

1. Cổ đông sở hữu cổ phiếu SJ1 theo danh sách chốt ngày 28/11/2024 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC).
2. Khi tham dự, quý Cổ đông vui lòng mang theo thư mời, giấy ủy quyền (nếu được ủy quyền tham dự), thẻ căn cước công dân, giấy CMND hoặc hộ chiếu.
3. Để công tác tổ chức và đón tiếp được chu đáo, quý Cổ đông vui lòng xác nhận tham dự Đại hội qua điện thoại/gửi thư/email hoặc fax giấy ủy quyền (nếu ủy quyền cho người khác) tham dự Đại hội trước 16 giờ 00, ngày 20/12/2024 theo địa chỉ ghi phía trên thư mời.
4. Toàn bộ tài liệu phục vụ Đại hội, quý Cổ đông có thể đến nhận tại Trụ sở Công ty hoặc tải từ website: <https://himex.vn> (chuyên mục Quan hệ cổ đông) từ ngày 04/12/2024. Ngoài ra bộ tài liệu sẽ cung cấp trực tiếp cho quý Cổ đông tại Đại hội.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Mã số thuế DN: 0302047389

Trụ sở: 1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, TP. HCM

Điện thoại: (028) 3974 1135 / Fax: (028) 3974 1280

Website: <https://himex.vn> / Email: info@hunghau.vn



Thư mời

THAM DỰ ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2025

Mã chứng khoán: SJ1

THƯ MỜI



Căn cứ vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu,
Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính mời:

Ông/Bà:

Mã số Đ:

Số lượng cổ phiếu:

Đến dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2025 của
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu

Vào lúc : **8 giờ 00, thứ Tư, ngày 25/12/2024**

Tại : Khách sạn Nikko Sài Gòn.

Địa chỉ : 235 Nguyễn Văn Cừ, P. Nguyễn Cư Trinh, Q. 1, TP.HCM

Rất mong Quý Ông/Bà sắp xếp thời gian đến tham dự đúng giờ để
Đại hội đạt kết quả.

Trân trọng!

Tp. HCM, ngày 04 tháng 12 năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

TỬ THANH PHỤNG

Ghi chú:

Nếu Ông/Bà không thể tham dự được có thể ủy quyền cho người khác dự thay
bằng cách điền thông tin vào trang kế bên.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2025

Kính gửi: - Ban tổ chức ĐHĐCD thường niên năm tài chính 2025;
- HĐQT Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

Tên cá nhân/Tổ chức:

Địa chỉ:

Căn cước công dân/CMND/Hộ chiếu/GĐKKD số:

Ngày cấp: nơi cấp:

Số cổ phần sở hữu: cổ phần.

Nay Tôi ủy quyền cho: (*)

1/ Ông Tử Thanh Phụng - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty

2/ Ông Nguyễn Hoàng Tân - Tổng Giám đốc Công ty

3/ Ông/Bà:

Căn cước công dân/CMND số:

Ngày cấp: nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Số điện thoại liên lạc:

Đại diện tôi tham dự và biểu quyết toàn bộ các vấn đề trong phiên họp Đại hội
đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2025 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp
Hùng Hậu được tổ chức vào ngày 25/12/2024 tại Khách sạn Nikko Sài Gòn - 235
Nguyễn Văn Cừ, P. Nguyễn Cư Trinh, Q. 1, TP.HCM

....., ngày tháng năm 2024

Người nhận ủy quyền

(ký và ghi rõ họ tên)

Người ủy quyền

(ký và ghi rõ họ tên,
đồng dấu nếu là tổ chức)

Ghi chú:

(*): Theo Điều 16 của Điều lệ Công ty.

- Khi đến dự họp, người được ủy quyền phải xuất trình Giấy ủy quyền này
cùng với Căn cước công dân/CMND/Hộ chiếu của mình.



ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

PHIẾU BIỂU QUYẾT

(Các nội dung trong báo cáo, tờ trình tại Đại hội)

Nội dung cần biểu quyết	Biểu quyết		
	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
Nội dung 1: Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm tài chính 2024 và kế hoạch năm tài chính 2025 của Ban Tổng Giám đốc.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 2: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm tài chính 2024.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 3: Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và định hướng kế hoạch năm tài chính 2025.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 4: Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập trong Ủy ban kiểm toán.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 5: Tờ trình phân phối lợi nhuận năm tài chính 2024.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 6: Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm tài chính 2025.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 7: Tờ trình Thủ lao HĐQT, thư ký HĐQT năm tài chính 2025.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 8: Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 -2025.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 9: Tờ trình nhân sự thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025 – 2030.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

❖ **Lưu ý:**

- Cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu X vào ô lựa chọn:

- Trường hợp cổ đông thay đổi thì khoanh tròn ô đã chọn và đánh dấu X vào ô lựa chọn mới:

- Trường hợp muốn chọn lại ô đã được khoanh tròn thì tô đen hoàn toàn ô đó:

- Cổ đông chỉ được chọn 01 phương án biểu quyết cho 01 nội dung.

Ghi chú:

- Phiếu biểu quyết này chỉ có giá trị tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2025.
- Các phiếu sau được xem là không hợp lệ:
 - + Phiếu không do Công ty CP Nông nghiệp phát hành (không theo mẫu quy định, không có dấu của Công ty trên phiếu).
 - + Phiếu tẩy xóa hoặc phiếu ghi thêm nội dung không do Chủ tọa yêu cầu.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



GIẤY ỦY QUYỀN

ĐẠI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2025

Kính gửi: Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2025;
- HĐQT Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

Tên cá nhân/Tổ chức:

Địa chỉ:

Căn cước công dân/CMND/Hộ chiếu/GĐKKD số:, ngày cấp:

Nơi cấp:

Số cổ phần sở hữu: cổ phần.

Nay Tôi ủy quyền cho: (*)

1/ Ông Từ Thanh Phụng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty:

2/ Ông Nguyễn Hoàng Tân - Tổng giám đốc Công ty:

3/ Ông/Bà:

- Căn cước công dân/CMND số:, ngày cấp:

Nơi cấp:

- Địa chỉ thường trú:

- Số điện thoại liên lạc:

Đại diện Tôi tham dự và biểu quyết toàn bộ các vấn đề nêu trong phiên họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2025 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu được tổ chức vào ngày 25/12/2024 tại Khách sạn Nikko Saigon, TP.HCM.

....., ngày tháng năm 2024

Người nhận ủy quyền

(ký và ghi rõ họ tên)

Người ủy quyền

(ký và ghi rõ họ tên,
đóng dấu nếu là tổ chức)

Ghi chú:

- (*): Theo Điều 16 của Điều lệ Công ty.

- Khi đến dự họp, người được ủy quyền phải xuất trình Giấy ủy quyền này cùng với Căn cước công dân/CMND/Hộ chiếu của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 1280

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU



Địa điểm: Khách sạn Nikko Sài Gòn
Địa chỉ: 236 Nguyễn Văn Cừ, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM
Thời gian: Bắt đầu lúc 08h00, ngày 25/12/2024 (thứ Tư)



Thời gian	Nội dung
	A. THỦ TỤC KHAI MỤC ĐẠI HỘI
8h00 – 8h30	Đón tiếp Quý đại biểu, Cổ đông, khách mời; Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự và phát tài liệu họp.
8h30 – 9h00	Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự.
	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.
	Thông qua và giới thiệu:
	+ Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội. + Danh sách Đoàn Chủ tịch, Thư ký đoàn và Ban kiểm phiếu.
	B. NỘI DUNG CHÍNH
9h00 – 10h45	1. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm tài chính 2024 và kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2025.
	2. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024.
	3. Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập trong Ủy ban kiểm toán.
	4. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm tài chính 2024 và định hướng kế hoạch năm tài chính 2025.
	5. Trình Đại hội thông qua:
	- Phân phối lợi nhuận năm 2024.
	- Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.
	- Thủ lao HĐQT, Thu kỳ HĐQT năm tài chính 2025.
	- Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2025.
	- Tờ trình bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025 - 2030.
	- Ứng cử viên thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025 – 2030.
	- Một số vấn đề khác thuộc thẩm quyền ĐHCĐ (nếu có).
	6. Biểu quyết các vấn đề trình Đại hội.
7. Bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025 - 2030.	
- Thông qua Quy chế để cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025 - 2030.	
- Thực hiện bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025 - 2030.	
10h45 – 11h00	C. GIẢI LAO
	D. CÔNG BỐ KẾT QUẢ VÀ HỎI ĐÁP
11h00 – 11h20	Hỏi và Đáp.
	Ban Kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết các vấn đề tại Đại hội; công bố kết quả bầu cử.
	E. KẾT THÚC ĐẠI HỘI
11h20 – 11h30	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2025.
	Tuyên bố bế mạc Đại hội.

Ghi chú: Chương trình chi tiết có thể thay đổi theo quyết định của Hội đồng quản trị



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM TÀI CHÍNH 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Mã CK: SJ1



THẺ BIỂU QUYẾT

Tên cổ đông/Người đại diện:

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: cổ phần

Mã số biểu quyết:

SJ001

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU



TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 12 năm 2024

PHIẾU BẦU CỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2025-2030

Tên cổ đông: NGUYỄN VĂN A

Mã số cổ đông: SJ239

Số cổ phần sở hữu: 130

Tổng số phiếu biểu quyết (số cổ phần sở hữu x 1): 130

Căn cứ Điều lệ Công ty; Quy chế làm việc tại Đại hội; xem xét năng lực, tư cách đạo đức của các ứng cử viên Hội đồng quản trị, tôi quyết định bỏ phiếu bầu cho những người có tên sau đây vào HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030:

Stt	Họ và tên ứng viên	Số phiếu biểu quyết

Với tư cách cá nhân/đại diện người ủy quyền cho tôi dự Đại Hội, tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về phiếu bầu này.

Cổ đông/Người đại diện

(Ký tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 04 tháng 12 năm 2024

QUY CHẾ LÀM VIỆC

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Quy chế hoạt động Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm tài chính 2025 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu, đồng thời hướng dẫn cho cổ đông tham gia Đại hội và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền, Ban Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2025 xin báo cáo ĐHĐCĐ thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

ĐIỀU 1. CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐHĐCĐ

1. Cổ đông sở hữu cổ phiếu SJ1 theo danh sách chốt ngày 28/11/2024 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc người được ủy quyền có quyền tham dự Đại hội.
2. Cổ đông hoặc người được ủy quyền phải có mặt tại Đại hội đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội; ngồi đúng khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định.
3. Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội.
4. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1, Điều 16 của Điều lệ Công ty phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
5. Không hút thuốc lá trong khán phòng Đại hội.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 128



6. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội.
Điện thoại di động để ở chế độ rung, không chuông.

ĐIỀU 2. ĐOÀN CHỦ TỊCH

1. Đoàn Chủ tịch gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 02 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Đoàn và là người Chủ tọa ĐHĐCĐ. Đoàn Chủ tịch điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà HĐQT đã dự kiến thông qua trước Đại hội.
2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:
 - a. Điều hành các hoạt động của ĐHĐCĐ Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua.
 - b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình.
 - c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
 - e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tịch: Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

ĐIỀU 3. BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI

1. Ban Thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Đoàn Chủ tịch giới thiệu, Đại hội biểu quyết tin nhiệm. Ban Thư ký chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.
2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:
 - a. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội vào Biên bản họp.
 - b. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

ĐIỀU 4. BAN THẨM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

1. Ban Thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 05 người, bao gồm 01 Trưởng ban và 04 thành viên, do Đoàn Chủ tịch giới thiệu, Đại hội biểu quyết tin nhiệm, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình.
2. Nhiệm vụ của Ban Thẩm tra tư cách cổ đông:
 - a. Ban Thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
 - b. Trưởng Ban Thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo với ĐHĐCĐ tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện ít nhất 50% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp ĐHĐCĐ Công ty được tiến hành.

ĐIỀU 5. BAN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT VÀ BẦU CỬ

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 128



1. Ban kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử của Đại hội gồm 05 người, bao gồm 01 Trưởng ban và 04 thành viên do Đoàn Chủ tịch giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tín nhiệm, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình.
2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử:
 - a. Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội.
 - b. Nhanh chóng thông báo chính xác kết quả biểu quyết cho Ban thư ký.
 - c. Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết/bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết/bầu cử.

ĐIỀU 6. THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc:
 - a. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung ĐHĐCĐ.
 - b. Ban Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn Chủ tịch.
 - c. Cổ đông khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, Đoàn Chủ tịch sẽ mời phát biểu. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.
2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông:
 - a. Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi hoặc câu hỏi trực tiếp của cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến cổ đông.
 - b. Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

ĐIỀU 7. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.
2. Thẻ biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông tại Đại hội (kèm theo bộ tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ). Mỗi cổ đông được cấp 01 thẻ biểu quyết (màu vàng) để biểu quyết cho các nội dung: Quy chế đại hội, Chương trình làm việc đại hội, Đoàn chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Thẩm tra tư cách cổ đông, Ban Kiểm phiếu biểu quyết. Trên thẻ biểu quyết có ghi rõ mã số biểu quyết, họ tên, số cổ phần sở hữu của cổ đông đó.
3. Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông tại Đại hội (kèm theo bộ tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ). Mỗi cổ đông được cấp 01 phiếu biểu quyết (màu trắng) trên đó có tất cả các nội dung trong báo cáo, tờ trình cần biểu quyết tại Đại hội. Trên phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số biểu quyết của cổ đông đó.

047
ÔNG T
Ổ PHẢ
IG NG
JNG I
TU-TR



4. Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông tại Đại hội (kèm theo bộ tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ). Mỗi cổ đông được cấp 01 phiếu bầu cử (màu xanh) để bầu cử thành viên HĐQT. Trên phiếu bầu cử có ghi rõ mã số bầu cử của cổ đông đó.
5. Các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
 - e. Việc tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - f. Gia hạn thời gian hoạt động của Công ty.
6. Ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 7, các trường hợp còn lại sẽ được thông qua khi có từ 50% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội.

ĐIỀU 8. BIÊN BẢN, NGHỊ QUYẾT HỌP ĐHĐCĐ

Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được Ban Thư ký đọc và ĐHĐCĐ thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

ĐIỀU 9. THI HÀNH QUY CHẾ

Cổ đông, người được ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2025 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu. Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Kinh trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TÙ THANH PHỤNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 128



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 04 tháng 12 năm 2024

QUY CHẾ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HĐQT (Nhiệm kỳ 2025 – 2030)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

Ban kiểm phiếu Đại hội công bố Quy chế để cử, ứng cử và bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025 – 2030 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2025 Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu như sau:

I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BTC : Ban Tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

II. Chủ tọa tại Đại hội

Chủ tọa tại Đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử bổ sung với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách để cử bổ sung vào thành viên HĐQT.
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có).

III. Nguyên tắc bầu cử

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa để cử và được Đại hội thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách để cử, ứng cử vào HĐQT.

IV. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT được bầu cử : 05 người (Thành viên HĐQT)
2. Nhiệm kỳ : 2025 – 2030
3. Số lượng ứng viên HĐQT : thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 128



4. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia HĐQT (Theo khoản 1 Điều 155 của Luật Doanh nghiệp 2020):

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định pháp luật;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

5. Tiêu chuẩn thành viên độc lập HĐQT (Theo khoản 2 Điều 155 của Luật Doanh nghiệp 2020):

- Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
- Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra một Chủ tịch HĐQT.

V. Để cử ứng viên thành viên HĐQT

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT theo tỷ lệ sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% được đề cử năm (05) ứng viên;

02
CỔ
CỔ
VON
HI
TAN P



- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên thành viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc HĐQT đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

VI. Hồ sơ tham gia đề cử để bầu vào HĐQT

1. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

(Mẫu biểu được đính kèm tài liệu họp Công ty và đăng tải trên website của Công ty theo địa chỉ: <https://himex.vn>)

- Đơn xin đề cử/ứng cử thành viên HĐQT (theo mẫu): 01 bản chính;
- Sơ yếu lý lịch ứng viên do ứng viên tự khai (theo mẫu): 01 bản chính;
- Biên bản họp nhóm + Danh sách nhóm cổ đông (trường hợp ứng viên được nhóm cổ đông đề cử): 01 bản chính;
- Bản chứng thực các giấy tờ trong thời hạn 06 tháng các giấy tờ sau: CCCD/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú (nếu có) hoặc Giấy Đăng ký doanh nghiệp (đối với tổ chức);
- Bản chứng thực các giấy tờ trong thời hạn 06 tháng các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có);
- Giấy tờ xác nhận tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông/nhóm cổ đông đáp ứng điều kiện đề cử theo Quy chế này quy định;

Người đề cử, ứng cử vào HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

2. Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ đề cử

Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội, các ứng viên có thể được nộp trực tiếp hoặc gửi thư bảo đảm với điều kiện Ban tổ chức ĐHĐCĐ phải nhận được hồ sơ trong giờ làm việc trước **17h00, ngày 12/12/2024**. Các hồ sơ đề cử mà Công ty nhận được sau thời gian trên là không hợp lệ.

Hồ sơ gửi về: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu

Địa chỉ: 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028 3974 1135

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 128



Nếu trong trường hợp các ứng cử viên được các nhóm cổ đông đề cử ngay tại Đại hội, vui lòng gửi hồ sơ đề cử về cho Thư ký Đại hội trước khi tiến hành bầu cử.

VII. Danh sách ứng cử viên

- Dựa vào hồ sơ đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, Thư ký Đại hội sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu vào HĐQT.
- Danh sách ứng cử viên HĐQT được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

VIII. Phương thức bầu cử

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.
- Theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra Đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).
- Phiếu bầu sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.

IX. Phiếu bầu cử

1. Nội dung của Phiếu bầu cử

- Phiếu bầu cử (phiếu bầu) là phiếu có ghi mã số bầu cử, số cổ phần sở hữu hoặc đại diện có đóng dấu treo Công ty.
- Mỗi đại biểu sẽ được phát một (01) Phiếu bầu HĐQT. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.

2. Cách ghi Phiếu bầu cử

Mỗi cổ đông được phát một (01) phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

- Danh sách ứng cử viên HĐQT được xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu. Phiếu bầu HĐQT có màu xanh;
- Mỗi cổ đông, người được ủy quyền được phát một (01) tờ phiếu bầu HĐQT với tổng số phiếu bầu HĐQT bằng số cổ phần sở hữu hoặc số cổ phần được ủy quyền nhân với 1;
- Cổ đông, người được ủy quyền khi được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại số cổ phần, tổng số phiếu bầu ghi trên phiếu bầu nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu;

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 128

388
TY
ÁN
3HI
HẬ
? HỘ



- Cổ đông bầu HĐQT bằng cách điền số phiếu bầu tương ứng cho từng ứng cử viên HĐQT sao cho tổng số phiếu bầu HĐQT trên mỗi tờ phiếu bầu không lớn hơn số cổ phần sở hữu hoặc số cổ phần được ủy quyền nhân với 1.

3. Tính hợp lệ và không hợp lệ của phiếu bầu cử

- Phiếu bầu hợp lệ: Phiếu bầu do Ban Tổ chức phát hành, được in sẵn, có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu. Trên mỗi phiếu bầu có ghi số cổ phần sở hữu và tổng số phiếu bầu tương ứng của mỗi cổ đông, đại diện cổ đông.
- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
 - + Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
 - + Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì;
 - + Gạch tên các ứng cử viên;
 - + Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của Công ty hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;
 - + Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên trúng cử;
 - + Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
 - + Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu;
 - + Không có chữ ký của đại biểu tham dự.

4. Bỏ phiếu và kiểm phiếu

- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, cổ đông có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu để xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).
- Đại biểu bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu đã được niêm phong do Ban kiểm phiếu giám sát. Phiếu bầu cử phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.
- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban kiểm soát hoặc đại diện cổ đông.
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ tọa giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).
- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định.

5. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên (Theo Điều 21 Điều lệ Công ty)

- Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.





- Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

X. Hiệu lực thi hành

Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay khi được ĐHĐCĐ thường niên ngày 25/12/2024 thông qua.

Quy chế này sẽ hết hiệu lực khi ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2025 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kết thúc.

Trên đây là toàn bộ quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu nhiệm kỳ 2025 – 2030 tại ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2025 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỬ THANH PHỤNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ảnh 4 x 6

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho các ứng viên vào Hội đồng quản trị)

Họ và tên:

Chức vụ hiện tại:

Ứng cử viên: Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên:

Giới tính:

Ngày tháng năm sinh:

Nơi sinh:

CMND/CCCD:

Quốc tịch:

Địa chỉ thường trú:

Số ĐT liên lạc:

Trình độ chuyên môn:

Quá trình công tác:

*Các chức vụ công tác hiện tại tổ chức
niêm yết:*

*Các chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại
tổ chức khác:*

*Các lợi ích liên quan đến Công ty (nếu
có):*

*Số cổ phiếu nắm giữ (tại thời điểmcổ phần, chiếm%
28/11/2024):* vốn điều lệ

*+ Đại diện sở hữu:cổ phần, chiếm%
vốn điều lệ*

*+ Cá nhân sở hữu:cổ phần, chiếm%
vốn điều lệ*

Các cam kết nắm giữ (nếu có):

*Những người liên quan có nắm giữ cổ
phiếu của tổ chức niêm yết:*

Tôi cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

....., ngày tháng năm 2024

Người khai

(ký và ghi rõ họ tên)



GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2025 – 2030

(áp dụng cho cổ đông)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu

Họ tên cổ đông:

CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu/GĐKKD số:.....Ngày cấp:.....

Nơi cấp:

Người đại diện theo pháp luật (nếu có):

Số lượng cổ phần sở hữu *(tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2025)*: cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:(đồng)

Đề nghị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu cho tôi đề cử bổ sung:

1. Ông/Bà:

CMND/Hộ chiếu số: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu: (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:(đồng)

2. Ông/Bà:

CMND/Hộ chiếu số: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 128



Hiện đang sở hữu: (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:(đồng)

3.

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu nhiệm kỳ 2025 – 2030.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên do người ứng cử tự khai.
- Bản sao CCCD/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú (nếu có) hoặc Giấy đăng ký doanh nghiệp (đối với tổ chức).
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).
- Giấy xác nhận tỷ lệ sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2025.

....., ngày..... tháng năm 2024

Người đề cử

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2025 – 2030

(áp dụng cho nhóm cổ đông)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu

Người đại diện nhóm cổ đông:

CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu/GĐKKD số:.....Ngày cấp:.....

Nơi cấp:

(đính kèm danh sách nhóm cổ đông)

Số lượng cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2025) của nhóm cổ đông: cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:(đồng)

Đề nghị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu cho tôi đề cử bổ sung:

1. Ông/Bà:

CMND/Hộ chiếu số: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu: (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:(đồng)

2. Ông/Bà:

CMND/Hộ chiếu số: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 128



Hiện đang sở hữu: (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:(đồng)

3.

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu nhiệm kỳ 2025 – 2030.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên do người ứng cử tự khai.
- Bản sao CCCD/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú (nếu có) hoặc Giấy đăng ký doanh nghiệp (đối với tổ chức).
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).
- Giấy xác nhận tỷ lệ sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2025.

....., ngày..... tháng năm 2024

Người đề cử

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



DANH SÁCH NHÓM CỔ ĐÔNG ĐÍNH KÈM
GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ CỦA NHÓM CỔ ĐÔNG

STT	Họ và tên	CCCD/ ĐKKD	Địa chỉ thường trú	Số lượng cổ phần sở hữu liên tục 06 tháng (tính đến ngày chốt DSCĐ)	Chữ ký cổ đông/chữ ký đóng dấu nếu là tổ chức
1					
2					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
...					
	TỔNG CỘNG				

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 128



GIẤY ĐỀ NGHỊ ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2025 – 2030

Kính gửi: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu

Tôi tên là:

CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu/GĐKKD số:.....Ngày cấp:.....

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:

Số lượng cổ phần sở hữu (*tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2025*): cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:(đồng)

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty hiện hành, tôi tự ứng cử vào vị trí Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025 – 2030.

Tôi xin cam đoan có đủ điều kiện để ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ và Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025 – 2030 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2025 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

Xin trân trọng cảm ơn!

....., ngày..... tháng năm 2024

Người đề cử

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên do người ứng cử tự khai.
- Bản sao CCCD/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú (nếu có) hoặc Giấy đăng ký doanh nghiệp (đối với tổ chức).
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (*nếu có*).
- Giấy xác nhận tỷ lệ sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 128



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU

--- o0o ---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- o0o -----

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2024 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2025

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2024

1. CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

CHỈ TIÊU	ĐVT (Triệu đồng)	Thực hiện năm 2023 và Thực hiện năm 2024		Kế hoạch năm 2024 (01/10/2023- 30/09/2024)	So sánh	
		Thực hiện (01/10/2022- 30/09/2023)	Thực hiện (01/10/2023- 30/09/2024)		TH 2024/TH 2023	TH 2024/K H 2024
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	1.396.760	1.537.926	1.600.000	110%	96%
2. Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	1.298.041	1.417.234			
3. Lợi nhuận gộp bán hàng & cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	98.719	120.691			
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	12.272	23.728			
5. Chi phí tài chính	Triệu đồng	60.429	53.218			
6. Chi phí bán hàng	Triệu đồng	13.244	23.014			
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	19.626	26.705			
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	17.692	41.482			
9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	19.092	39.669	38.000	208%	104%

2. KẾT QUẢ CÁC MẶT CÔNG TÁC

2.1 CÔNG TÁC KINH DOANH

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 128



- Doanh thu thuần trong năm 2024 đạt 1.537.925.580.058 đồng đạt 110% so với cùng kỳ năm 2023 và đạt 96% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 39.669.109.007 đồng đạt 208% so với cùng kỳ năm 2023 và đạt 104% so với kế hoạch.
- Tỷ trọng doanh thu bán hàng giá trị gia tăng: Châu Á chiếm 60%, trong đó Hàn Quốc 30%, Nhật Bản 25%, Hồng Kông 3%, thị trường Châu Á khác 1%; Châu Âu chiếm 30% (Pháp: 17%, Hà Lan: 5%, Bỉ và thị trường Châu Âu khác: 8%); Các thị trường khác chiếm 10%.
- Phát triển thành công 16 khách hàng mới với doanh số đạt ~7 tỷ đồng (SDG, MIF, HTI, IGM, LAL, AQU, JUN, WEL, COM, GFD, GHN, KSM, KMI, TTN, DAK, SOL).
- Phát triển 05 khách hàng mới tại các thị trường Úc, Trung Quốc, Anh.
- Ký thành công hợp đồng độc quyền với đối tác tại thị trường Anh (SeaDragon) về sản phẩm bánh tôm, sản lượng tối thiểu 200 tấn/năm.
- Đảm bảo mục tiêu 80% khách hàng hiện hữu phát sinh doanh thu tăng 10%/khách hàng/năm so với năm tài chính 2023.
- Đưa thương hiệu HungHau (Logo và nhãn hiệu của Hùng Hậu trên bao bì) vào thị trường Hàn Quốc, Úc, Bồ Đào Nha, Singapore.
- Tham gia các Hội chợ, Triển lãm quốc tế để tìm kiếm, mở rộng khách hàng. Những hội chợ quốc tế đã tham gia trong năm 2024 như: Hội chợ triển lãm quốc tế về công nghiệp thực phẩm Anuga (Đức); Hội chợ nhập khẩu quốc tế Trung Quốc (CIIE), Foodex Japan 2024; Hội chợ Seafood Expo Global 2024 (Tây Ban Nha); Hội chợ Seoul Food Hàn Quốc. Ngoài ra, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đã mở rộng phát triển và tìm kiếm cơ hội tại thị trường Indonesia, Campuchia.
- Bán thành công các sản phẩm mang thương hiệu OChao/HappyFood/HappyNoodles, ... vào các Chuỗi nhà hàng/Cửa hàng Fastfood/Cửa hàng tiện lợi/Đại lý như: Chuỗi Familymart, Chuỗi Nhà hàng Nam Bộ, Nhà phân phối Công ty TNHH Bách Phúc Phương, Trung tâm Kinh doanh Thực phẩm Vissan, Chuỗi bánh mì, Paris Baguette, GS25.
- Mạng kinh doanh Thủy sản: Đội ngũ Sales được chia ra 02 nhóm chuyên nghiệp được phân bổ chi tiêu rõ ràng thực hiện chăm sóc khách hàng chu đáo, xây dựng và quảng bá thương hiệu Hùng Hậu ra thị trường thế giới.
- Phân loại khách hàng và xây dựng chính sách đối với từng khách hàng cụ thể, từng chương trình đối với từng loại hàng hoá vào những thời điểm thích hợp để phát triển kinh doanh phù hợp với biến động thị trường.
- Mạng kinh doanh Nông sản (điều, cà phê): đội ngũ kinh doanh đã phát triển được 05 thị trường: Lithuania, Phần Lan, Trung Quốc, Singapore, Hồng Kông, với 07 khách hàng mới: UAB, SLO, QD, OLAM, Công ty Nguyễn Hiếu, Công ty Dakman, Paris Baguette.
- Công ty tăng cường tuyển dụng bổ sung thêm 18 nhân sự vào đội ngũ kinh doanh.

2.2 CÔNG TÁC SẢN XUẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 128



- Chất lượng sản phẩm chính là sự sống còn của Công ty, Chúng tôi không ngừng nâng cao chất lượng để làm hài lòng khách hàng. Với phương châm trên, Công ty luôn tuân thủ:
 - + Lãnh đạo cấp cao của Công ty luôn chú trọng đến chất lượng và cam kết cung cấp đầy đủ nguồn: Nhân lực, vật lực, kinh phí cho hoạt động kiểm soát chất lượng của Công ty ở mức cao nhất.
 - + Thu mua nguyên phụ liệu từ nhà cung cấp có chứng nhận An toàn thực phẩm hoặc có các hồ sơ đạt chất lượng và nguồn gốc rõ ràng.
 - + Các sản phẩm thỏa mãn yêu cầu về chất lượng, sản xuất đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo an toàn thực phẩm, không gian lận thương mại, tuân thủ pháp luật, chế định và các yêu cầu của khách hàng.
 - + Nước thải, rác thải và khí thải đảm bảo tuân thủ theo quy định của Nhà nước, không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.
 - + Thiết lập, thực hiện, duy trì và cải tiến liên tục hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo ISO 22000:2005, BRC 9, ASC/COC, HALAL, HACCP ... Bên cạnh đó chúng tôi cũng chú trọng đến chăm lo đời sống cán bộ công nhân tại công ty thông qua việc duy trì và tuân thủ bộ tiêu chuẩn trách nhiệm xã hội SMETA (Sedex Member Ethical Trade Audit Production).
 - + Hằng năm Công ty có lịch đào tạo và huấn luyện nâng cao nhận thức về đạo đức, trách nhiệm và trình độ của CB-CNV về hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng các yêu cầu liên quan đến quá trình, sản phẩm và các yêu cầu dịch vụ như:
 - Đào tạo bên ngoài do các Cơ quan tổ chức: Intertek, SGS, NAFIQUAD...
 - Đào tạo nội bộ hằng năm bởi các chuyên gia được đào tạo bên ngoài, có đủ trình độ và kỹ năng truyền đạt.
- Sản lượng sản xuất của Công ty trong năm 2024 đạt 103,2% so với mục tiêu (tính chung hàng giá trị gia tăng và nông sản).
- Trong năm qua, Công ty đầu tư mạnh mẽ và chủ trương áp dụng máy móc thiết bị để thay thế sức lao động con người và đảm bảo môi trường làm việc thuận lợi nhất đến người lao động:
 - + **Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu – Nhà máy số 1: Đầu tư**
 - Máy chạy điều hòa không khí xưởng 60 HP.
 - Máy quay tôm công suất 150 kg/mẻ
 - Máy sấy bảo hộ lao động cho công nhân 8 kg/mẻ.
 - Máy giặt bảo hộ lao động cho công nhân 15 kg/mẻ.
 - Thực hiện đầu tư 02 máy rung tôm tăng trọng công suất 200 kg/mẻ.
 - Băng tải chuyển hàng từ phòng bột qua băng chuyển cấp đông.
 - Đầu tư dàn lạnh hầm đông bột.
 - Đầu tư xe nâng điện và 02 xe nâng tay inox.



- + Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu – Nhà máy số 3: Đầu tư
 - Xe nâng cân điện tử.
 - Đầu tư cải tạo 02 tái đông thành hầm đông, cải tạo nền và trần khu sản xuất.
 - Đầu tư băng tải chuyển hàng từ tiếp nhận vào máy rửa.
 - Thực hiện đầu tư băng tải gọt vỏ xoài.
 - Đầu tư máy dò kim loại thùng, máy dò kim loại túi lẻ.
 - Máy cắt hạt lựu.
 - Máy đai dây.
 - Máy gọt vỏ xoài.
 - Thực hiện mở rộng khu tiếp nhận nguyên liệu 800 mét vuông.
 - Đầu tư vào công cụ dụng cụ nhằm tăng công suất sản xuất tại nhà máy: 5.000 kết, 400 pallet.
 - Đang lên kế hoạch mua thêm các máy móc thiết bị như: máy cắt rau củ đa năng, đầu tư hệ thống băng tải trong chế biến ...
- Đã thực hiện cải tiến quy trình và các công đoạn trong quy trình sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất:
 - + Thực hiện rà soát quy trình sản xuất, tinh gọn những khâu sản xuất thừa đối với quy trình sản xuất:
 - Bạch tuộc: giảm công đoạn cắt, giảm công lao động.
 - Tôm: cải tiến công đoạn cắt tôm, ngâm tôm làm giảm công lao động và tăng năng suất.
 - Sử dụng băng tải chuyển hàng giữa các khu chế biến nhằm tiết giảm công lao động.
 - + Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu – Nhà máy số 3 thực hiện đầu tư hệ thống băng tải từ khu tiếp nhận để vận chuyển chuyển xoài vào máy rửa để tiết giảm nhân công lao động.
- Trong năm 2024 Công ty đã phát triển thêm nhiều sản phẩm mới để đáp ứng theo nhu cầu của khách hàng như: Bánh khoai lang Hokkaido, Hamburger từ thịt (thịt gà, thịt heo, thịt bò, thịt xông khói), sen bọc nhân tôm (dạng menbosha), dòng sản phẩm từ rau củ nhân phô mai, Breader vegetables/seafood, Seafood and vegetable hamburger.
- Kiểm soát hiệu quả các mục tiêu về chi phí: điện, nước, nước thải, công cụ, dụng cụ, chi phí bảo trì, bảo dưỡng...
- Thực hiện bảo trì, sửa chữa liên tục kho lạnh của Công ty TNHH Kho lạnh Gió Bắc.
- Đảm bảo vận hành máy móc thiết bị, phục vụ 100% tiến độ sản xuất.
- Nhờ vào các hoạt động đầu tư, cải tiến trong sản xuất mà sản lượng sản xuất tại các Nhà máy thuộc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu trong năm tài chính 2024



tăng so với năm 2023. Cụ thể:

- + Sản lượng sản xuất tại Nhà máy số 1 trong năm 2024 đạt 1.410 tấn tăng 20% so với năm 2023.
- + Sản lượng sản xuất trong năm 2024 tại Nhà máy số 3 đạt 3.761 tấn tăng 71% so với năm 2023.
- Đảm bảo 100% định mức sản xuất từ nguyên liệu chính cho 05 sản phẩm chính giá trị giá tăng đạt định mức chuẩn để ra.
- Đảm bảo 100% sản phẩm, hàng hóa sản xuất không bị nhiễm vi sinh, tạp chất (theo kết quả kiểm tra của Đơn vị bên ngoài/đối tác) tại các Nhà máy.
- Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hưng Hậu 05 lần liên tiếp đạt chứng nhận thương hiệu quốc gia với nhãn hiệu Happyfood. Năm 2024 Công ty đạt thương hiệu quốc gia với 02 nhãn hiệu Happyfood, OChao.

2.3 CÔNG TÁC MUA HÀNG

- Luôn chủ động trữ hàng, đáp ứng sản xuất khi sản lượng hàng vào vụ có giá tốt.
- Về nguyên liệu đầu vào:
 - + Giá các mặt hàng thủy hải sản đầu vào thuộc các loại hàng đánh bắt, nuôi trồng như bạch tuộc, mực, ghẹ, tôm... có giá tốt theo thời vụ.
 - + Các mặt hàng sử dụng sản lượng lớn như khoai tây, hành tây, cà rốt, đậu ăn... có giá tốt, tuy nhiên giá có sự biến động liên tục theo mùa vụ, thời tiết...
- Tìm và phát triển thêm hơn 24 nhà cung cấp mới để đảm bảo công tác mua hàng theo nhu cầu sản xuất trong năm.
- Hoàn thành đầu tư máy móc thiết bị, sửa chữa tài sản cố định cho các Nhà máy đúng theo kế hoạch năm tài chính 2024.
- Thực hiện tiết giảm chi phí booking.
- Đảm bảo 100% không xảy ra tiêu cực trong vấn đề mua hàng.
- Đánh giá tổng số lượng hàng hóa mua vào trong năm phục vụ cho sản xuất kinh doanh đạt 95% nhu cầu của sản xuất kinh doanh và 05% còn lại chưa đáp ứng đơn hàng do nguồn nguyên liệu thủy sản bị ảnh hưởng bởi việc kiểm soát đánh bắt bất hợp pháp.

2.4 CÔNG TÁC TÀI CHÍNH KẾ TOÁN:

- Thực hiện quản lý vốn chặt chẽ, lập kế hoạch dòng tiền, chủ động sắp xếp các nguồn tài chính đáp ứng các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Kiểm soát tốt công nợ phải thu của khách hàng, không phát sinh nợ quá hạn, nợ khó đòi.
- Quản lý tốt hàng hoá tồn kho, kiểm soát tốt chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, nguồn vốn, hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Thực hiện công tác hồ sơ chứng từ liên quan đến việc phát hành cổ phiếu 1:1.
- Thực hiện công tác hoàn thuế từ dự án đầu tư của Công ty TNHH HappyFood Vietnam.



- Hoàn thành báo cáo tài chính đúng hạn, thực hiện và tuân thủ các quy định, chế độ, chính sách của Nhà nước.
- Hoàn thành kiểm kê tài sản Công ty.
- Đảm bảo hoàn thành 100% lưu trữ hồ sơ chứng từ kế toán theo đúng quy định.
- Đảm bảo hoàn thành hồ sơ báo cáo thuế cuối năm và Tờ khai tự quyết toán Thuế thu nhập Doanh nghiệp theo quy định pháp luật.

2.5 NHIỆM VỤ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHỨNG ĐẢ NIÊM YẾT:

Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ công bố thông tin theo quy định đối với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như:

- Công bố các thông tin liên quan Đại Hội đồng cổ đông; Nghị quyết ĐHĐCĐ và Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2023.
- Công bố các thông tin liên quan đến sự thay đổi nhân sự theo đúng quy định.
- Công bố các thông tin liên quan đến Quy chế quản trị, Điều lệ công ty.
- Báo cáo thường niên năm 2023 và Báo cáo tình hình quản trị năm 2023.
- Báo cáo tài chính Quý 1/2024 và Báo cáo tài chính Quý 1 Hợp nhất năm 2024.
- Báo cáo tài chính Quý 2/2024 và Báo cáo tài chính Quý 2 Hợp nhất năm 2024.
- Báo cáo tài chính Quý 3/2024 và Báo cáo tài chính Quý 3 Hợp nhất năm 2024.
- Báo cáo tài chính Quý 4/2024 và Báo cáo tài chính Quý 4 Hợp nhất năm 2024.
- Báo cáo tài chính bán niên năm 2024 và Báo cáo tài chính bán niên hợp nhất năm tài chính 2024 đã kiểm toán.

2.6 CÔNG TÁC NHÂN SỰ, LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG VÀ CHÍNH SÁCH CHẾ ĐỘ:

- Hoàn thiện cấu trúc tổ chức; Chức năng nhiệm vụ; Mô tả công việc; Định biên nhân sự các phòng ban.
- Thực hiện bổ nhiệm/miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao.
- Thực hiện việc ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý, điều hành quản trị.
- Hoàn thành việc trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, chi trợ cấp ốm đau, thai sản theo đúng quy định.
- Ban chấp hành Công đoàn và cán bộ quản lý đã tổ chức thăm hỏi động viên kịp thời đối với các trường hợp cán bộ nhân viên có hiếu - hi - ốm đau - thai sản, gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn.
- Có các nhân sự tham gia học nâng cao trình độ trong năm tài chính 2024.
- Hoàn thành 100% công tác tuyển dụng nhân sự.
- Đảm bảo 100% tỷ lệ cán bộ quản lý/chuyên viên-nhân viên đạt tỷ lệ tối thiểu 1:4.
- Đảm bảo tỷ lệ lao động trực tiếp/tổng lao động $\geq 75\%$.
- Đảm bảo đạt tỷ lệ nhân sự gián tiếp nghỉ việc $\leq 10\%$ (không bao gồm đội hỗ trợ), tỷ lệ nhân sự trực tiếp nghỉ việc $\leq 05\%$ (không bao gồm công nhân sản xuất).



- Thực hiện tiết giảm chi phí hành chính đạt tối thiểu 03%/tháng theo kế hoạch đã được duyệt.
- Hoàn thành điều chỉnh, bổ sung các văn bản quy phạm phù hợp với hoạt động của Công ty.
- Hoàn thành tập huấn an toàn vệ sinh thực phẩm cho cán bộ quản lý, cán bộ nhân viên tại các Nhà máy.
- Hoàn thành tuyển mới 06 nhân sự thành thạo một trong các ngôn ngữ thuộc BRICS.

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ 2024:

STT	NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ 2024	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
1	Báo cáo tài chính quý 1 năm 2024.	Thực hiện công bố đúng hạn theo quy định.
2	Báo cáo tài chính quý 2 năm 2024.	Thực hiện công bố đúng hạn theo quy định.
3	Báo cáo tài chính quý 3 năm 2024.	Thực hiện công bố đúng hạn theo quy định.
4	Báo cáo tài chính quý 4 năm 2024.	Thực hiện công bố đúng hạn theo quy định.
3	Chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024.	Đã ký hợp đồng với CÔNG TY TNHH DV TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS) ngày 08/04/2024, đã thực hiện công bố thông tin ngày 08/04/2024.
4	Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024.	Đang thực hiện kiểm toán, dự kiến ngày 16/11/2024 có bản dự thảo báo cáo kiểm toán năm 2024.
5	Thủ lao HĐQT, thư ký HĐQT Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu năm 2024.	Đã hoàn thành thanh toán đến tháng 09/2024.
6	Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.	Đã thực hiện phát hành xong việc chào bán cổ phiếu.
7	Cổ tức 2023 chi bằng tiền mặt 5%/Số cổ phiếu đang lưu hành.	Đã thực hiện chi cổ tức ngày 22/07/2024.

III. KẾ HOẠCH NĂM TÀI CHÍNH 2025

1. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH, KINH DOANH:



Chỉ tiêu	ĐVT	NĂM 2025
Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.750.000
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	52.000

2. CÔNG TÁC KINH DOANH

- Tập trung khai thác thị trường hiện có, đặc biệt tập trung thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản, Pháp, Bỉ, Hà Lan đối với mặt hàng giá trị gia tăng, riêng thị trường Trung Quốc tập trung mặt hàng nông sản, tôm nguyên liệu và cá tra đông lạnh.
- Đảm bảo doanh thu khách hàng hiện hữu, mục tiêu 80% khách hàng hiện hữu có doanh thu tăng 10%/khách hàng/năm so với năm 2023.
- Phát triển thị trường Anh, chốt được đơn hàng với ít nhất 01 khách tại thị trường Anh.
- Tập trung đẩy mạnh mặt hàng chủ lực của công ty nhằm đẩy mạnh sản lượng và doanh thu.
- Tham gia các triển lãm quốc tế được tổ chức tại Hội chợ Hàn quốc (Seoul Food), Hội chợ tại Thanh Đảo – Trung Quốc.
- Tham gia các chương trình diễn đàn, kết nối giao thương B2B trong nước và quốc tế do các cơ quan xúc tiến thương mại tổ chức.
- Hoàn thành và đưa vào hoạt động văn phòng tại Singapore.
- Phát triển thành công 18 sản phẩm mới, trong đó: 03 sản phẩm thuộc dòng hàng giá trị gia tăng, 10 sản phẩm chế biến sâu từ hạt điều và 05 sản phẩm chế biến sâu từ cà phê.
- Phát triển thành công 25 khách hàng mới có phát sinh doanh thu.
- Đẩy mạnh phát triển thị trường mới tại Đức và Mỹ.
- Tiếp tục phát huy bán hàng mang thương hiệu Hùng Hậu/đồng thương hiệu Hùng Hậu.
- Đảm bảo có 02 khách hàng đạt doanh thu $\geq 2.000.000$ USD/khách/năm và 02 khách hàng đạt doanh thu $\geq 1.000.000$ USD/khách/năm.

3. CÔNG TÁC SẢN XUẤT

- Liên tục duy trì và nâng cao hiệu quả của Hệ thống quản lý chất lượng ISO, BRC, ASC/COC, HALAL, HACCP, SMETA; Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng trước khi xuất xưởng.
- Sản lượng sản xuất tại các Nhà máy của Công ty đạt 9.505 tấn/năm 2025, tăng 84% so với năm 2024.
- Đảm bảo định mức sản xuất từ nguyên liệu chính cho 05 sản phẩm chính giá trị gia tăng đạt định mức chuẩn để ra.
- Kiểm soát chất lượng hàng sản xuất: đảm bảo $\geq 99\%$ sản phẩm, hàng hóa sản xuất không bị nhiễm vi sinh, tạp chất (theo kết quả kiểm tra của Đơn vị bên ngoài/đối tác) tại các Nhà máy.
- Kiểm soát tỷ lệ sản phẩm bị lỗi, hư hỏng, đổi trả: đảm bảo $\leq 02\%$ /tổng sản lượng hàng bán ra đối với các mặt hàng giá trị gia tăng.



- Đảm bảo vận hành máy móc thiết bị, phục vụ 100% tiến độ sản xuất.
- Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị cho Nhà máy.
 - + Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu - Nhà máy số 1:
 - Đầu tư máy phân loại tạp chất.
 - Đầu tư hệ thống máy cắt đuôi tôm.
 - Đầu tư máy trung và làm nguội bạch tuộc.
 - Đầu tư máy định lượng bánh tôm.
 - Thực hiện đầu tư dây chuyền hệ thống sản xuất há cào, xiu mại.
 - Đầu tư hệ thống bàn băng tải trong phòng sản xuất
 - + Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu - Nhà máy số 3:
 - Đầu tư 02 máy gọt vỏ băng tải tự động.
 - Đầu tư hệ thống máy rửa.
 - Đầu tư hệ thống băng tải tách má.
 - Đầu tư máy cắt hạt lựu hàng đông.
 - Đầu tư hệ thống cân tự động để tiết giảm lao động.
 - Đầu tư xe nâng 2,5 tấn.
 - Đầu tư hệ thống máy nén và băng chuyển công suất 750 kg/giờ.
 - Đầu tư máy gọt vỏ xoài.
- + Tiếp tục duy trì kiểm soát nguyên liệu sản xuất, đảm bảo chất lượng và tiến độ sản xuất.
- + Tiếp tục duy trì kiểm soát chi phí: điện, nước, Nước thải, chi phí bảo trì - sửa chữa, công cụ dụng cụ.
- + Rà soát đơn hàng, kế hoạch sản xuất hàng tháng đối với các Bộ phận, Phòng ban liên quan, để chốt kế hoạch sản xuất - xuất khẩu.
- Đưa vào hoạt động Công ty TNHH HappyFood Vietnam – kinh doanh tôm tại Sa Đéc, Đồng Tháp.
- Hoàn thành và đưa vào hoạt động 1 Nhà máy sản xuất hạt điều tại tỉnh Bình Phước.
- Hoàn thành và đưa vào hoạt động 1 Nhà máy sản xuất hạt điều tại Campuchia.
- Hoàn thành thủ tục xây dựng Kho lạnh thứ 2 với trữ lượng > 3.000 tấn tại Sa Đéc, Đồng Tháp.
- Hoàn thành đưa vào vận hành Nhà máy HA2 tại Khu công nghiệp Tân Phú Trung, Tp. Hồ Chí Minh.
- Hoàn thành liên kết đầu tư nuôi tôm ở Việt Nam.
- Hoàn thành và đưa vào ứng dụng hình thức quét mã vạch trên sản phẩm để truy xuất nguồn gốc sản phẩm và quản lý sản xuất.
- Hoàn thành áp dụng tín chỉ Carbon để bù trừ hiệu ứng nhà kính.



4. CÔNG TÁC MUA HÀNG

- Tiếp tục theo dõi/cập nhật tình hình biến động giá nguyên liệu trên thị trường (tôm, bạch tuộc, cá...) để điều chỉnh việc mua hàng trong nước và nhập khẩu phù hợp.
- Tận dụng lợi thế vào vụ có giá tốt, lên kế hoạch mua nhiều hơn số lượng đơn hàng để dự trữ và có giá cạnh tranh khi chào bán.
- Phát triển 13 nhà cung cấp mới: Trong đó có 08 nhà cung cấp giá trị mua hàng đạt 01 tỷ đồng/năm/nhà cung cấp và 05 nhà cung cấp mới (các nhóm hàng nhỏ lẻ), giá trị mua hàng đạt ≥ 100 triệu đồng/nhà cung cấp/năm.
- Đảm bảo công tác mua hàng theo nhu cầu sản xuất.
- Hoàn thành đầu tư máy móc thiết bị cho các nhà máy đúng danh mục đầu tư.
- Liên kết thành công 03 vùng nguyên liệu/nhà cung cấp về nuôi trồng thủy sản đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu của Nhà máy, có sản lượng thể hiện trên hợp đồng liên kết là 200 tấn/năm.
- Đảm bảo tiết giảm chi phí booking.
- Đảm bảo 100% cung cấp đúng hạn về giá booking CFR cho phòng Xuất nhập khẩu kịp tiến độ khai báo hải quan theo quy định của Cơ quan Nhà nước.

5. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

- Tiếp tục thực hiện công tác quản lý vốn chặt chẽ, lập kế hoạch dòng tiền, chủ động sắp xếp các nguồn tài chính đáp ứng kịp thời cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Liên kết các đơn vị tư vấn quỹ tài chính, chào mời các đối tác chiến lược phối hợp triển khai dự án Cụm công nghiệp An Hào; triển khai các thủ tục đưa nhà máy thuộc dự án Công ty TNHH HappyFood Vietnam đi vào hoạt động.
- Thực hiện công tác kiểm toán vốn để phát hành báo cáo kiểm toán vốn sau phát hành cổ phiếu 1:1.
- Hoàn thành báo cáo tài chính đúng hạn, thực hiện và tuân thủ các quy định, chế độ, chính sách của Nhà nước.
- Hoàn thành đào tạo thành công 01 nhân sự thuộc Phòng Tài chính Kế toán giữ vị trí cán bộ quản lý tại Công ty hoặc Công ty con.
- Đảm bảo 100% không phát sinh nộp phạt từ Cơ quan quản lý Nhà nước về việc nộp báo cáo không đúng quy định.
- Hoàn thành ghi nhận đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế ngay lúc phát sinh giao dịch đúng kỳ kế toán theo quy định chuẩn mực kế toán.
- Hoàn thành ghi nhận các khoản chi phí tương ứng với khoản doanh thu trong kỳ phát sinh theo nguyên tắc phù hợp của chuẩn mực kế toán và theo quy định của Công ty.
- Hoàn thành lưu trữ hồ sơ chứng từ kế toán theo đúng quy định.
- Hoàn thành đánh giá giá trị hàng tồn kho theo giá trị thị trường định kỳ 06 tháng.
- Hoàn thành kiểm kê tài sản tại Công ty.



6. CÔNG TÁC NHÂN SỰ, LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG VÀ CHÍNH SÁCH CHẾ ĐỘ

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản chế độ chính sách.
- Tuyển dụng và đào tạo phát triển thêm cán bộ nhân viên, cán bộ quản lý kinh doanh.
- Bổ sung thêm các nguồn cung ứng, nhà cung cấp lao động phổ thông cho Nhà máy.
- Xây dựng chính sách hỗ trợ tuyển dụng, ổn định cuộc sống cho công nhân tân tuyển.
- Xây dựng chính sách để giữ công nhân, lao động có tay nghề, người lao động lâu năm.
- Xây dựng mô hình bán hàng hoạt động 24/7.
- Hoàn thiện xây dựng bộ tiêu chí văn hóa Công ty.
- Hoàn thành tiếp nhận ≥ 800 người học tại các trường thuộc hệ thống giáo dục Hùng Hậu được tham gia thực tập hoặc tham dự học kỹ doanh nghiệp tại Công ty theo chương trình "Vườn ươm người học" theo đơn đặt hàng của đơn vị.
- Đạt $\geq 15\%$ nhân sự/tổng nhân sự tại Công ty bồi dưỡng, nâng cao trình độ.
- Hoàn thành điều chỉnh, bổ sung các quy trình/quy định quản lý theo tình hình thực tế tại Công ty.
- Đảm bảo tỷ lệ cán bộ quản lý/chuyên viên-nhân viên đạt tỷ lệ $\geq 1:4$.
- Hoàn thành cử cán bộ nhân viên tham gia chương trình cải tiến/tham quan các đơn vị cùng ngành để triển khai áp dụng ít nhất 01 máy móc thiết bị mới tại các Nhà máy.
- Tuyển mới 20 chuyên viên/nhân viên Kinh doanh, 03 chuyên viên/nhân viên Kinh doanh là người nước ngoài và 03 cán bộ quản lý Kinh doanh.
- Hoàn thành tập huấn an toàn vệ sinh thực phẩm cho cán bộ quản lý, cán bộ nhân viên tại các nhà máy. Nhân sự được tham gia đào tạo có kết quả bài đánh giá (sau khi hoàn thành lớp đào tạo) đạt trên 80%.
- Đạt "Top 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam – Khối Doanh nghiệp lớn" vào năm 2027 (Năm 2025 đạt 30% bộ tiêu chí theo quy định).
- Hoàn thành xây dựng/cải tạo Văn phòng đạt tiêu chuẩn "Văn phòng xanh", theo mô hình Công ty đa quốc gia.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HOÀNG TÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 128



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04.2025/BC-HĐQT

TP. HCM, ngày 04 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM TÀI CHÍNH 2024 VÀ ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH NĂM TÀI CHÍNH 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm tài chính 2025 về kết quả hoạt động năm tài chính 2024 và định hướng kế hoạch năm tài chính 2025 như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM TÀI CHÍNH 2024

1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty

a. Chi tiêu sản xuất kinh doanh, tài chính

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 1.537.926 triệu đồng, bằng 96% so với kế hoạch và bằng 110% so với cùng kỳ năm 2023.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 39.669 triệu đồng, bằng 104% so với kế hoạch và bằng 207% so với cùng kỳ năm 2023.
- Tổng tài sản tại ngày 30/09/2024 đạt 1.341.713 triệu đồng, tăng 16% so với cùng thời điểm của năm 2023, trong đó:
 - + Tài sản ngắn hạn tại ngày 30/9/2023 đạt 768.527 triệu đồng, tăng 7% so với cùng thời điểm của năm 2023.
 - + Tài sản dài hạn tại ngày 30/09/2023 đạt 573.186 triệu đồng, tăng 31% so với cùng thời điểm của năm 2023.
- Vốn chủ sở hữu tại ngày 30/09/2023 đạt 362.581 triệu đồng, tăng 10% so với cùng thời điểm của năm 2023.

b. Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực

- Ban Điều hành Công ty thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ về bảo hiểm, tiền lương, tiền thưởng và các phúc lợi theo quy định của Nhà nước và Công ty.
- Ban Điều hành tổ chức tốt công tác đánh giá, xếp loại và thi đua khen thưởng nhằm động viên, các chương trình đào tạo cán bộ quản lý chủ chốt điều hành nhằm khuyến khích phát triển nhân lực cũng như tăng cường công tác giám sát và thúc đẩy hoạt động của Công ty.



c. Sản xuất

- Công tác quản lý chất lượng sản phẩm được duy trì và nâng cao hiệu quả của Hệ thống quản lý chất lượng ISO, BRC, ASC, HALAL, HACCP, SEDEX; Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng trước khi xuất xưởng.
- Kiểm soát chất lượng hàng sản xuất: đảm bảo $\geq 99\%$ sản phẩm, hàng hóa sản xuất không bị nhiễm vi sinh, tạp chất (theo kết quả kiểm tra của Đơn vị bên ngoài/đối tác) tại các Nhà máy.
- Duy trì kiểm soát nguyên liệu sản xuất, đảm bảo chất lượng và tiến độ sản xuất.
- Duy trì kiểm soát chi phí: điện, nước, nước thải, chi phí bảo trì, sửa chữa, công cụ dụng cụ.
- Rà soát đơn hàng, kế hoạch sản xuất hàng tháng đối với các Bộ phận, Phòng ban liên quan nhằm đảm bảo kịp thời cho hoạt động sản xuất - xuất khẩu.
- Đảm bảo vận hành máy móc thiết bị, phục vụ 100% tiến độ sản xuất.
- Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị cho các Nhà máy:
 - ❖ Nhà máy số 1:
 - + Máy phân loại tạp chất.
 - + Hệ thống máy cắt đuôi tôm.
 - + Máy trung và làm nguội bạch tuộc.
 - + Máy định lượng bánh tôm.
 - + Dây chuyền hệ thống sản xuất há cào, xiu mại.
 - + Hệ thống bàn băng tải trong phòng sản xuất.
 - ❖ Nhà máy số 3:
 - + Máy gọt vỏ băng tải tự động.
 - + Hệ thống máy rửa.
 - + Hệ thống băng tải tách má.
 - + Máy cắt hạt lựu hàng đông.
 - + Hệ thống cân tự động để tiết giảm lao động.
 - + Xe nâng 2,5 tấn.
 - + Hệ thống máy nén và băng chuyền công suất 750 kg/giờ.

2. Hoạt động của HĐQT

HĐQT luôn xác định trách nhiệm và nghĩa vụ trong việc chỉ đạo, giám sát hoạt động của Công ty tuân thủ pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty và Nghị quyết ĐHCĐ. Đồng thời, HĐQT tiếp tục hoàn thiện năng lực quản trị Công ty, phù hợp với những thông lệ và chuẩn mực.



Trong năm tài chính 2024, HĐQT đã tổ chức 14 cuộc họp và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Công ty như sau:

- Thông qua về chi tiết phương án sử dụng vốn của đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- Thông qua Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
- Thông qua về việc triển khai phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- Thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- Thông qua về việc chọn Đơn vị kiểm toán để soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2024 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 là Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).
- Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phần từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- Thông qua về việc gia hạn thời gian chuyển nhượng quyền mua, thời gian đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu.

3. Báo cáo hoạt động của các tiểu ban trực thuộc HĐQT

3.1. Tiểu ban Chiến lược

❖ Các công tác đã thực hiện trong năm tài chính 2024:

- a. Tham mưu cho HĐQT định hướng hoạt động ngắn hạn và dài hạn, những mục tiêu mang tính chiến lược của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu; tham mưu HĐQT các giải pháp xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động của đơn vị.
- b. Nghiên cứu, phân tích, nhận định các điểm mạnh/điểm yếu, các điểm khác biệt của công ty so với các công ty đối thủ trong ngành.
- c. Tham mưu và triển khai các mục tiêu trọng tâm kinh doanh để đảm bảo hoàn thành tốt kế hoạch đề ra đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- d. Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy trình, chính sách, định hướng phát triển trong hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- e. Nghiên cứu, phân tích, nhận định các thị trường chiến lược, thị trường tiềm năng trong thời gian tới cho hoạt động kinh doanh của Công ty, kết nối các đối tác Hàn Quốc, Nhật Bản, Đức, Mỹ, Ấn Độ, Trung Quốc.... để có phương hướng liên kết, hợp tác để đảm bảo đầu ra cho các dự án mới của công ty.
- f. Tham mưu và xây dựng thương hiệu, chiến lược marketing trong năm 2024, lấy chất lượng sản phẩm làm nền tảng, thấu hiểu thị trường để định hướng xác định giá trị cốt lõi.
- g. Phân tích, xem xét đánh giá lại cơ cấu sản phẩm, cơ cấu khách hàng và chính sách về giá; rà soát lại công tác mua hàng, chi phí đầu vào để tối ưu thuế và tối ưu vốn



lưu động. Về mục tiêu tăng thu trong nền kinh tế thế giới và trong nước có nhiều biến động, tìm kiếm và phát triển khách hàng chiến lược, hài hòa lợi ích cùng phát triển, tăng cường đội ngũ sales và có chính sách ưu đãi thích hợp.

h. Tham mưu, góp ý sắp xếp cơ cấu vốn cho đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh hiện hữu của công ty đạt hiệu quả, cũng như nhu cầu vốn cần thiết khi vận hành các nhà máy và mở rộng mô hình kinh doanh.

❖ **Kế hoạch định hướng năm tài chính 2025:**

- Phát triển thị trường khách hàng tại các quốc gia thuộc BRICS và nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, tiện lợi từ nguyên liệu tôm, cá, cà phê, hạt điều.
- Đánh giá quy mô năng lực sản xuất các nhà máy, kho vận, góp ý để xuất cải tiến quy trình kỹ thuật công nghệ, đầu tư trang thiết bị, dây chuyền sản xuất tại nhà máy.
- Đề xuất, tham mưu các chương trình quảng bá sản phẩm thông qua tham gia các hội chợ triển lãm, hội nghị kết nối giao thương trong và ngoài nước.
- Hỗ trợ tìm kiếm, kết nối các kênh bán hàng hiện đại nhằm đa dạng hóa thị trường, đối tượng khách hàng.
- Hỗ trợ tìm kiếm, kết nối các đối tác, nhà đầu tư liên kết hợp tác trên tinh thần đôi bên cùng có lợi.

3.2. Tiểu ban nhân sự - lương thưởng

❖ **Các công tác đã thực hiện trong năm tài chính 2024**

- Thực hiện các công tác tham mưu cho HĐQT:
 - + Tham mưu xây dựng Sơ đồ tổ chức và Phân cấp phân quyền.
 - + Tham mưu việc bổ nhiệm/miễn nhiệm CBQL cấp cao.
 - + Tham mưu việc ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý, điều hành.
 - + Tham mưu các giải pháp nhân sự trong tình hình kinh tế thế giới đang gặp khó khăn nhằm tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.
 - + Tham mưu hỗ trợ người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống.
 - + Soát xét gói thù lao HĐQT năm 2024.
- Giám sát các hoạt động:
 - + Thực hiện Quy định tính thu nhập và các chính sách khen thưởng – chế tài của Công ty.
 - + Giám sát việc thực hiện các chính sách nhân sự/lương thưởng/hỗ trợ nhân sự.
 - + Tính toán thù lao các chính sách lương, thưởng; tuyển dụng, đào tạo và bổ nhiệm cán bộ quản lý, điều hành cấp cao của Công ty.
 - + Hoạt động hoạch định nhân sự kế thừa.
 - + Giám sát việc chi thù lao HĐQT, các tiểu ban năm 2024.

❖ **Kế hoạch định hướng năm tài chính 2025**



- Tiếp tục thực hiện các công việc thuộc chức năng nhiệm vụ của Tiểu ban Nhân sự - lương thưởng được quy định trong Điều lệ của Công ty.
- Tiếp nhận các công việc được phân công từ HĐQT.
- Thực hiện các công tác tham mưu:
 - + Xây dựng Chính sách hỗ trợ - đãi ngộ phù hợp với tình hình thực tế hiện tại của Công ty.
 - + Các trường hợp CBQL cấp cao được bổ nhiệm/thôi nhiệm.
 - + Soát xét thù lao HĐQT năm tài chính 2024 và đề xuất thù lao năm tài chính 2025.
- Thực hiện giám sát:
 - + Hoạt động hoạch định nhân sự kế thừa và phát triển nhân sự.
 - + Chương trình đào tạo đội ngũ nhân sự phục vụ cho các hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - + Giám sát việc thực hiện, tính tuân thủ các quy trình, quy định, chính sách lương, thưởng; tuyển dụng, đào tạo và bổ nhiệm cán bộ quản lý, điều hành cấp cao của Công ty.

4. Đánh giá kết quả giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

HĐQT luôn theo dõi và đánh giá cao việc Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện kịp thời và hiệu quả các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết của HĐQT, cũng như việc cụ thể hóa các giải pháp, kế hoạch, phương án cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

HĐQT ghi nhận sự nỗ lực và quyết tâm của Ban Tổng Giám đốc nhằm có được những thay đổi tích cực trong hoạt động kinh doanh.

Thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ, các Quy chế, Quy định quản trị nội bộ và pháp luật hiện hành, HĐQT đã có những hoạt động giám sát cụ thể như sau:

- Thường xuyên chỉ đạo sát sao Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động đầu tư dự án, tìm kiếm thị trường bán hàng mới, giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.
- Tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính bán niên, Báo cáo tài chính năm và Báo cáo thường niên.
- Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch và kịp thời theo đúng quy định.
- Luôn bám sát các mục tiêu Nghị quyết, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh kịp thời linh hoạt theo tình hình biến động của thị trường.

5. Báo cáo thù lao HĐQT năm tài chính 2024

Thù lao của HĐQT, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc năm tài chính 2024, như sau:



STT	Họ và tên	Năm 2024
1	Ông Từ Thanh Phụng	72.000.000
2	Bà Phạm Thị Minh Nguyệt	61.200.000
3	Bà Huỳnh Thanh	54.000.000
4	Ông Vũ Quang Chính	54.000.000
5	Bà Lê Thị Thùy Phương	54.000.000
	Tổng	295.200.000

6. Đánh giá thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên

STT	NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ 2024	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
1	Chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024	Đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía nam (AASCS) ngày 08/04/2024, đã thực hiện công bố thông tin ngày 08/04/2024.
2	Thù lao HĐQT, thư ký HĐQT năm tài chính 2024	Đã hoàn thành thanh toán đến tháng 09/2024.
3	Cổ tức năm 2023 chi bằng tiền mặt 5%/số cổ phiếu đang lưu hành.	Đã thực hiện hoàn thành trong tháng 07/2024.
4	Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.	Đã hoàn thành: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 113/GCN-UBCK ngày 24/07/2024. - Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt nam – Chi nhánh TpHCM ban hành Thông báo chứng nhận điều chỉnh thông tin số lượng cổ phiếu đăng ký (mã chứng khoán SJ1) số: 9189/CNVSDC ngày 12/11/2024.

II. PHƯƠNG HƯỚNG KẾ HOẠCH NĂM TÀI CHÍNH 2025

1. Các chỉ tiêu cơ bản

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	NĂM 2025
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.750.000



2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	52.000
3	Cổ tức dự kiến	%/năm	Từ 6 – 10%

2. Các giải pháp thực hiện

- Tập trung khai thác thị trường hiện có, đặc biệt tập trung thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản, Pháp, Bỉ, Hà Lan đối với mặt hàng giá trị gia tăng, riêng thị trường Trung Quốc tập trung mặt hàng nông sản, tôm nguyên liệu và cá tra đông lạnh. Ngoài ra, đẩy mạnh phát triển thị trường mới tại Anh, Đức và Mỹ.
- Tập trung đẩy mạnh mặt hàng chủ lực của công ty nhằm đẩy mạnh sản lượng và doanh thu.
- Tham gia các chương trình diễn đàn, kết nối giao thương B2B trong nước và quốc tế do các cơ quan xúc tiến thương mại tổ chức.
- Đẩy mạnh công tác đưa thương hiệu HungHau ra nước ngoài, thể hiện logo HungHau trên các bao bì xuất khẩu; quảng bá thương hiệu HungHau thông qua các khách hàng hiện hữu và thông qua các hội chợ trong và ngoài nước, các mạng xã hội và kênh B2B khác.
- Đưa vào hoạt động Công ty TNHH HappyFood Vietnam – kinh doanh tôm tại Sa Đéc, Đồng Tháp.
- Thực hiện rà soát, theo dõi và thực hiện các biện pháp cải tiến đáp ứng mục tiêu về: sản lượng, định mức, chất lượng, kỹ thuật cơ điện, đầu tư MMTB, phát triển sản phẩm mới.
- Đầu tư MMTB giảm công lao động và tăng năng suất như: Băng tải chế biến tự động, bàn băng tải trong sản xuất, tự động hóa các MMTB khác.
- Thực hiện kiểm soát nguyên liệu đầu vào theo đúng tiêu chuẩn nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường khó tính như: Nhật Bản, Mỹ, EU, Hàn Quốc...
- Duy trì thực hiện công tác đào tạo CBNV về PCCC, chất lượng ATVSTP, đào tạo kiến thức về BRC, ISO, HACCP,...
- Theo dõi sát tình hình biến động giá nguyên liệu trên thị trường để điều chỉnh việc mua hàng trong nước và nhập khẩu phù hợp.
- Chủ động tích trữ nguyên liệu có giá tốt dựa vào nhu cầu đặt hàng của khách hàng.
- Tiếp tục thực hiện công tác quản lý vốn chặt chẽ, lập kế hoạch dòng tiền, chủ động sắp xếp các nguồn tài chính đáp ứng kịp thời cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tuyển dụng và đào tạo phát triển thêm cán bộ nhân viên, cán bộ quản lý kinh doanh.
- Xây dựng chính sách hỗ trợ tuyển dụng, ổn định cuộc sống cho công nhân tân tuyển.
- Xây dựng chính sách để giữ công nhân, lao động có tay nghề và người lao động lâu năm.
- Xây dựng mô hình bán hàng hoạt động 24/7.
- Hoàn thành xây dựng/cải tạo Văn phòng đạt tiêu chuẩn “Văn phòng xanh”, theo mô hình Công ty đa quốc gia.



III. PHẦN KẾT LUẬN

Trong năm tài chính 2025, HĐQT sẽ tiếp tục nâng cao vai trò quản trị doanh nghiệp, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và điều lệ Công ty, kiểm tra, đôn đốc Ban Tổng Giám đốc cũng như Ban Điều hành thực hiện đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT để đạt được các mục tiêu đã cam kết với cổ đông.

Thông qua hoạt động quản trị và xây dựng chiến lược kinh doanh, HĐQT tiếp tục phát huy thế mạnh về con người và công nghệ, mở rộng phát triển khách hàng và nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu mong muốn nhận được sự ủng hộ và gần bó của các Quý cổ đông để cùng vượt qua mọi thách thức và hoàn thành những mục tiêu dài hạn của Công ty.

Nơi nhận:

- Như kính trình;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TÙ THANH PHỤNG

C P
/ /



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU

Số: 04/2025/BC-HHA



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP NĂM 2024

- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm toán quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu;
- Căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024;
- Căn cứ vào kết quả hoạt động của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

Tôi – Lê Thị Thùy Phương, báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu trong năm tài chính 2024 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN:

1. Các công tác đã thực hiện trong năm tài chính 2024

- Trong năm tài chính 2024, Ủy ban Kiểm toán đã tổ chức các buổi làm việc định kỳ với mục đích thẩm định báo cáo tài chính mỗi quý.
- Ủy ban Kiểm toán được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cuộc họp khác của Công ty.
- Trong năm, Ủy ban Kiểm toán không nhận thêm thù lao khác ngoài thù lao của HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2024.
- Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không phát sinh.
- Ủy ban Kiểm toán đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm tài chính 2024. Cụ thể như sau:
 - Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính 2024 theo các quy định của pháp luật và của Công ty.
 - Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2024 đối với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
 - Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 128

A member of HungHau



- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.

2. Kế hoạch định hướng trong năm tài chính 2025

- Ủy ban Kiểm toán sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Ủy ban Kiểm toán sẽ tiếp tục triển khai, thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến các mặt hoạt động của Công ty.
- Tham gia phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc cũng như các Phòng ban để tăng cường hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra và giám sát các hoạt động của Công ty nhằm sớm phát hiện các vi phạm, thiếu sót để chấn chỉnh kịp thời theo đúng quy định.
- Thường xuyên tham gia cùng HĐQT, Ban Điều hành hoàn thiện hệ thống các quy định (quy chế, quy định, quy trình quản lý, định mức chi phí kinh doanh...) về quản trị nội bộ Công ty.
- Giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2025.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tập trung vào các mục tiêu tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ điều lệ công ty. Các nghị quyết ban hành trong các cuộc họp của Hội đồng Quản trị có nội dung phù hợp với Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ.
- Ủy ban Kiểm toán đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm tài chính 2024 phù hợp với quy định của pháp luật và Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Hội đồng quản trị đã ban hành nhiều Nghị quyết liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT; các Nghị quyết của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty.
- Trong năm tài chính 2024 Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Công ty như sau:
 - NQ số 01.2024/NQ-HĐQT ngày 04/10/2023 thông qua việc gia hạn Hợp đồng số 01-MT-2023 ngày 04/04/2023 giữa Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Hùng Hậu và Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 128

A member of HungHau



- NQ số 02.2024/NQ-HĐQT ngày 01/11/2023 thông qua việc tiếp nhận đơn xin từ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu của Bà Nguyễn Thanh Hà và Ông Nguyễn Tú Kỳ. Thống nhất thông qua việc bổ nhiệm Bà Nguyễn Thu Trang và Bà Nguyễn Viết Thúy An giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
- QĐ số 01.2024/QĐ-HĐQT ngày 01/11/2023 về việc thôi nhiệm Bà Nguyễn Thanh Hà giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
- QĐ số 02.2024/QĐ-HĐQT ngày 01/11/2023 về việc thôi nhiệm Ông Nguyễn Tú Kỳ giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
- QĐ số 03.2024/QĐ-HĐQT ngày 01/11/2023 về việc bổ nhiệm Bà Nguyễn Thu Trang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
- QĐ số 04.2024/QĐ-HĐQT ngày 01/11/2023 về việc bổ nhiệm Bà Nguyễn Viết Thúy An giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
- QĐ số 05.2024/QĐ-HĐQT ngày 01/11/2023 về việc bổ nhiệm Ông Lê Phạm Công Hoang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
- NQ số 03.2024/NQ-HĐQT ngày 06/11/2023 thông qua về chi tiết phương án sử dụng vốn của đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- NQ số 04.2024/NQ-HĐQT ngày 09/11/2023 thông qua thông qua thời gian dự kiến chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2024 và thời gian dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2024
- NQ số 05.2024/NQ-HĐQT ngày 05/12/2023 thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo năm tài chính 2024.
- NQ số 06.2024/NQ-HĐQT ngày 30/12/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thông qua ký kết hợp đồng, giao dịch đối với đối tượng có liên quan của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
- NQ số 07.2024/NQ-HĐQT ngày 04/01/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thông qua Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
- NQ số 08.2024/NQ-HĐQT ngày 15/01/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Hùng Hậu về việc triển khai phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- NQ số 09.2024/NQ-HĐQT ngày 15/01/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Hùng Hậu về việc thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- NQ số 10.2024/NQ-HĐQT ngày 17/01/2024 của Hội đồng quản trị Công ty thông qua nội dung về việc góp vốn thêm vào Công ty TNHH Happyfood ViệtNam.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 128

A member of HùngHau



- NQ số 11.2024/NQ-HĐQT ngày 22/03/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Hùng Hậu về việc triển khai phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- NQ số 12.2024/NQ-HĐQT ngày 22/03/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Hùng Hậu về việc thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- NQ số 13.2024/NQ-HĐQT ngày 08/04/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu về việc chọn Đơn vị kiểm toán để soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2024 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 là Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).
- NQ số 14.2024/NQ-HĐQT ngày 30/05/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu về việc thông qua báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm tài chính 2024; phương hướng thực hiện kế hoạch kinh doanh 06 tháng cuối năm tài chính 2024; báo cáo của các tiểu ban về đánh giá tình hình thực hiện các hoạt động của Tiểu ban trực thuộc HĐQT; Thông qua thời gian chi trả cổ tức theo NQ ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2024, thực hiện trong tháng 07/2024.
- NQ số 15.2024/NQ-HĐQT ngày 31/07/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu về việc thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phần từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- NQ số 16.2024/NQ-HĐQT ngày 30/08/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu về việc gia hạn thời gian chuyển nhượng quyền mua, thời gian đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu.

2. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện việc phân công nhiệm vụ cho từng thành viên điều hành các công việc trong công ty, thực hiện triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Nghị quyết của HĐQT đến các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban nghiệp vụ để thực hiện.
- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm tài chính 2024:
 - Lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 39,7 tỷ đồng, đạt 104% so với kế hoạch năm 2024.
 - Về điều hành sản xuất và quản lý chất lượng: Thực hiện theo hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm TCVN ISO 9001:2008; tiêu chuẩn BRC; ASC; HALAL; HACCP và theo tiêu chuẩn của khách hàng.
 - Về chế độ chính sách cho người lao động: Công ty thực hiện đúng Luật lao động, hợp đồng lao động, việc chi trả lương/thưởng theo đúng chính sách Công ty quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 128

A member of HungHau



- Về công tác tài chính: Công ty luôn có những quyết định tài chính đúng đắn góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Nhận xét của Ủy ban Kiểm toán:
 - Các hoạt động của Công ty trong năm tài chính 2024 thực hiện đúng theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán cũng như Điều lệ của Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT.
 - Hoạt động công bố thông tin của Công ty cũng tuân thủ theo các quy định liên quan áp dụng cho Doanh nghiệp niêm yết.

III. GIÁM SÁT THỰC HIỆN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM TÀI CHÍNH 2024

1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2024

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2024 được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam. Áp dụng Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.
- Hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty là rõ ràng và đáng tin cậy.
- Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam (AASCS) là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết.
- Ý kiến của kiểm toán viên về các Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của Công ty là ý kiến chấp nhận toàn phần. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu tại ngày 30/09/2024 cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2024

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2024 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.
- Ủy ban Kiểm toán chưa phát hiện thấy sai sót mang tính trọng yếu ảnh hưởng đến tính trung thực, hợp lý của Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2024.

3. Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu tại ngày 30/09/2024 (Đơn vị tính: Đồng)

TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN	NGÀY 30/09/2024	NGÀY 01/10/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	768.526.723.505	720.486.392.287
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	36.103.456.196	14.409.000.271

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 128

A member of HungHau



TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN	NGÀY 30/09/2024	NGÀY 01/10/2023
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	62.138.069.664	40.517.104.181
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	273.091.558.067	288.832.092.171
IV. Hàng tồn kho	378.823.950.050	353.918.118.321
V. Tài sản ngắn hạn khác	18.369.689.528	22.810.077.343
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	573.186.091.148	435.800.826.127
I. Các khoản phải thu dài hạn	9.228.371.547	2.187.874.858
II. Tài sản cố định	243.108.832.803	248.983.276.772
III. Tài sản dở dang dài hạn	236.850.678.674	106.519.630.064
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	30.825.500.000	31.975.500.000
V. Tài sản dài hạn khác	53.172.708.124	46.134.544.433
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.341.712.814.653	1.156.287.218.414
C. NỢ PHẢI TRẢ	979.132.174.396	826.201.544.489
I. Nợ ngắn hạn	760.871.814.820	684.381.405.986
II. Nợ dài hạn	218.260.359.576	141.820.138.503
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	362.580.640.257	330.085.673.925
I. Vốn chủ sở hữu	362.580.640.257	330.085.673.925
1. Vốn góp của chủ sở hữu	234.851.540.000	234.851.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	46.428.827.960	46.428.827.960
3. Cổ phiếu quỹ	(10.100.000)	(10.100.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	5.011.297.455	5.011.297.455
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	32.747.863.205	13.383.008.535
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.341.712.814.653	1.156.287.218.414
KẾT QUẢ KINH DOANH	Từ 01/10/2023 đến 30/09/2024	Từ 01/10/2022 đến 30/09/2023
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.537.925.580.058	1.396.760.366.426
2. Doanh thu hoạt động tài chính	23.728.364.832	12.272.115.916
3. Thu nhập khác	1.085.771.927	2.111.170.777
4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	39.669.109.007	19.092.055.753
5. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	31.373.244.210	10.585.973.118
6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.295	443
7. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	700	0

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 128

A member of HungHau



4. Đánh giá hiệu quả hoạt động

4.1 Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024 (Triệu đồng)	Thực hiện năm 2024 (Triệu đồng)	Thực hiện năm 2023 (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%) TH năm 2024 / KH năm 2024	Tỷ lệ (%) TH năm 2024 / TH năm 2023
Doanh thu thuần	1.600.000	1.537.926	1.396.760	96,12%	110,11%
Lợi nhuận trước thuế	38.000	39.669	19.092	104,39%	207,78%

4.2 Nhận xét đánh giá một số chỉ tiêu tài chính tại ngày 30/09/2024

Các chỉ tiêu phân tích tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ngày 30/09/2024	Ngày 01/10/2023
1. Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán tổng quát	Lần	1,37	1,40
Hệ số thanh toán hiện thời	Lần	1,01	1,05
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,51	0,54
2. Tỷ suất sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH		9,03%	4,05%
3. Cơ cấu tài sản - nguồn vốn			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	57,28%	62,31%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	42,72%	37,69%
Nợ phải trả ngắn hạn/Tổng nguồn vốn	%	56,71%	59,19%
Nợ dài hạn + Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	43,29%	40,81%

Đánh giá chung

- Hệ số thanh toán nợ hiện thời tại ngày 30/09/2024 là 1,01 lần >1 Công ty đảm bảo khả năng thanh toán. Đủ khả năng thanh toán nợ đến hạn.
- Số dư nợ ngắn hạn tại ngày 30/09/2024 là 761 tỷ đồng, so với số dư tài sản ngắn hạn là 769 tỷ đồng. Cho thấy Công ty duy trì được khả năng thanh toán ngắn hạn đồng thời duy trì được khả năng kinh doanh.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu năm 2024 là 9,03% so với năm 2023 cao hơn 4,98%.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 128

A member of HungHau



- Tại ngày 30/09/2024 hệ số tài sản dài hạn/tổng tài sản là 42,72%. Hệ số nguồn vốn thường xuyên là 56,71%, điều này chứng tỏ tài sản dài hạn được tài trợ toàn bộ bằng nguồn vốn thường xuyên.

IV. THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 2024

- Công ty đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam (AASCS) thực hiện kiểm toán các BCTC hợp nhất năm 2024.
- Công ty đã hoàn thành chia cổ tức năm 2023 trong tháng 07 năm 2024.
- Công ty đã hoàn thành và được cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 113/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24/07/2024.

V. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA CÁC PHÒNG BAN

- Trong năm việc phối hợp giữa Ủy ban Kiểm toán với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận luôn được hỗ trợ, thực hiện một cách chặt chẽ theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình.
- Ủy ban Kiểm toán không nhận được đơn yêu cầu hoặc khiếu nại của bất kỳ cổ đông nào trong năm tài chính 2024.
- Ủy ban Kiểm toán luôn nhận được sự hỗ trợ tích cực của Ban Lãnh đạo, các Phòng ban trong quá trình làm việc điều này đã tạo điều kiện tốt cho công tác kiểm tra, giám sát của thành viên HĐQT độc lập.

VI. KIẾN NGHỊ

- Kết quả kinh doanh năm tài chính 2024 vừa qua đã thể hiện sự cố gắng, nỗ lực rất lớn của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc để Công ty đạt được tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên để đạt được kết quả kinh doanh tốt hơn là cần phát triển thêm sản phẩm mới, tìm kiếm khách hàng mới mở rộng thị trường kinh doanh.
- Cần sâu sát kiểm soát nguyên liệu đầu vào và định mức tiêu hao nguyên liệu để tiết giảm chi phí hạ giá thành sản phẩm nhằm chiếm nhiều ưu thế hơn trên thị trường.
- Trên đây là báo cáo của Thành viên HĐQT độc lập, Ủy ban Kiểm toán Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu trình trước ĐHĐCĐ năm tài chính 2025.

Xin chân thành cảm ơn./.

**TM. ỦY BAN KIỂM TOÁN
THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP**

LÊ THỊ THỦY PHƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 128





CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU

Số: 01.2025/TTr-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 04 tháng 12 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v Phân phối lợi nhuận năm tài chính 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu năm tài chính 2025

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu,
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 của Công ty CPNN Hùng Hậu.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phân phối lợi nhuận năm tài chính 2024:

STT	Chi tiêu	Đơn vị	Số tiền
A	Nguồn	Đồng	32.747.863.205
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2024.	Đồng	31.358.513.048
2	Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm 2024.	Đồng	1.389.350.157
B	Phân phối	Đồng	29.197.364.291
3	Thù lao, thưởng HĐQT, Thu ký HĐQT (3% lợi nhuận sau thuế năm 2024).	Đồng	940.755.391
4	Cổ tức năm 2024 chi bằng tiền mặt từ 6,5%/số cổ phiếu đang lưu hành.	Đồng	28.256.608.900
C	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2025	Đồng	3.550.498.914

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỬ THANH PHỤNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

613 Âu Ca, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 128



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02.2025/TTr-ĐHĐCĐ

TP. HCM, ngày 04 tháng 12 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn công ty kiểm toán năm tài chính 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu năm tài chính 2025

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu;
- Căn cứ vào danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán được công bố trên cổng thông tin điện tử của Bộ tài chính (www.mof.gov.vn);
- Theo đề nghị của tiểu ban kiểm soát và được sự thống nhất của HĐQT.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua nội dung sau:

Giao Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán sau đây để kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính 2025 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu: Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam; Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C; Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam; Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam; Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt.

Trong trường hợp không đàm phán được với 05 Công ty trên, Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán khác nằm trong danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TU THANH PHỤNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 128



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03.2025/TTr-DHĐCĐ

TP. HCM, ngày 04 tháng 12 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v Thủ lao Hội đồng quản trị và Thư ký HĐQT năm tài chính 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu năm tài chính 2025

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua nội dung sau:

- Thủ lao Hội đồng quản trị và Thư ký HĐQT năm tài chính 2025 là 3% lợi nhuận sau thuế.
- Thuế thu nhập cá nhân phát sinh, cá nhân tự đóng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TỬ THANH PHỤNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 128



Member of MSI Global Alliance

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính từ 01/10/2023 đến 30/09/2024



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán riêng	07 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	11 - 14
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	15 - 16
- Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	17 - 46



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2024.

I. CÔNG TY**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty cổ phần số 0302047389, đăng ký lần đầu ngày 10/07/2000 và thay đổi lần thứ 30 vào ngày 14/11/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 434.727.160.000 VND
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/09/2024: 234.851.540.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Buôn bán thực phẩm;
-

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con:					
Công ty TNHH Ngư nghiệp Hùng Hậu	Số 45D/TB Quốc lộ 54, Ấp Tân Bình, Xã Tân Thành, Huyện Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp	100,00%	100,00%	65,00%	65,00%
Công ty TNHH Happyfood Vietnam	Lô CVI-2, Khu C, Khu công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, TP. Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp	54,06%	59,75%	54,06%	59,75%

Công ty liên kết: không có

Cơ sở đồng kiểm soát: không có

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc: không có

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính từ 01/10/2023 đến 30/09/2024 là 32.242.798.321 VND (Cùng kỳ kế toán từ 01/10/2022 đến 30/09/2023 lợi nhuận sau thuế là 10.355.391.832 VND).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 30/09/2024 là 33.392.420.262 VND (Tại thời điểm 30/09/2023 lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 13.213.099.819 VND).

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOẢ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Trong tháng 10/2024, Công ty đã hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng tăng vốn góp của chủ sở hữu từ 234.851.540.000 đồng lên 434.727.160.000 đồng, thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, sửa đổi Điều lệ Công ty, lưu ký bổ sung số lượng cổ phiếu mới phát hành từ ngày 14/11/2024.

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**Hội đồng Quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / Miễn nhiệm
Ông TỬ THANH PHỤNG	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 02/12/2021
Bà PHẠM THỊ MINH NGUYỆT	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 02/12/2021
Ông VŨ QUANG CHÍNH	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/10/2024
Bà HUỖNH THANH	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/12/2019
Bà LÊ THỊ THUYẾT PHƯƠNG	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 24/12/2022

Ủy ban Kiểm toán

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / Miễn nhiệm
Bà LÊ THỊ THUYẾT PHƯƠNG	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31/03/2023
Bà HUỖNH THANH	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2023

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / Miễn nhiệm
Ông NGUYỄN HOÀNG TÂN	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25/10/2024
Ông VŨ QUANG CHÍNH	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25/10/2024
Bà NGUYỄN THU TRANG	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Bổ nhiệm ngày 22/11/2024
Bà PHẠM THỊ BÍCH NHƯ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22/11/2024
Bà NGUYỄN THỊ BÍCH THUẬN	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22/11/2024
Ông NGUYỄN VĂN QUỐC	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22/11/2024
Bà NGUYỄN THANH HÀ	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/11/2023
Ông NGUYỄN TỬ KỶ	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/11/2023
Bà NGUYỄN YÊN	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25/11/2024
Ông NGUYỄN VĂN DOL	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22/11/2024
Bà NGUYỄN VIỆT THUYẾT AN	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22/11/2024
Ông LÊ PHẠM CÔNG HOANG	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22/11/2024

Kế toán trưởng

Bà NGUYỄN THỊ MỸ DIỆU	Bổ nhiệm ngày 01/04/2022
-----------------------	--------------------------

Đại diện pháp luật

Ông NGUYỄN HOÀNG TÂN	- Tổng Giám đốc
Ông TỬ THANH PHỤNG	- Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện công tác kiểm toán các báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính từ 01/10/2023 đến 30/09/2024. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng này;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/09/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính từ 01/10/2023 đến 30/09/2024, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu phê duyệt báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính từ 01/10/2023 đến 30/09/2024.

Duyệt, ngày 02 tháng 12 năm 2024

TM. Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN HOÀNG TÂN
Tổng Giám đốc



Số: 7.8.8. /BCKT-TC/2024/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu, được lập ngày 02/12/2024, từ trang 07 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30/09/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu tại ngày 30/09/2024 cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2023 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác ký ngày 29/11/2023, kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**

Phó Tổng Giám đốc



Võ Thị Mỹ Hương

Số GCNĐKHN Kiểm toán: 0858-2023-142-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày *A...* tháng *A2* năm 2024

Kiểm toán viên

Trần Nguyễn Hoàng Mai

Số GCNĐKHN Kiểm toán: 1755-2023-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		740.022.609.613	677.830.052.734
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	36.048.391.177	14.253.361.170
Tiền	111		36.048.391.177	14.253.361.170
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		62.138.069.664	40.517.104.181
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.4	62.138.069.664	40.517.104.181
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		247.905.362.331	255.407.570.378
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	115.108.538.686	170.648.211.507
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	10.843.244.332	3.249.093.595
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	109.317.832.584	56.972.171.901
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	12.635.746.729	24.625.733.253
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(87.639.878)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	378.823.950.050	353.918.118.321
Hàng tồn kho	141		378.823.950.050	353.918.118.321
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.106.836.391	13.733.898.684
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13	2.533.537.491	2.141.082.054
Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.573.298.900	11.592.816.630
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		438.004.280.978	396.117.301.987
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		36.228.371.547	2.187.874.858
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		27.000.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	216	V.6	9.228.371.547	2.187.874.858
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		243.108.832.803	248.983.276.772
Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	141.041.346.102	146.915.117.635
- Nguyên giá	222		273.474.181.348	268.158.453.554
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(132.432.835.246)	(121.243.335.919)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	11.561.717.730	10.363.968.346
- Nguyên giá	225		14.417.317.315	11.880.532.637
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.855.599.585)	(1.516.564.291)
Tài sản cố định vô hình	227	V.10	90.505.768.971	91.704.190.791
- Nguyên giá	228		102.281.820.014	102.281.820.014
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.776.051.043)	(10.577.629.223)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	6.749.503.009	5.956.906.481
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		6.749.503.009	5.956.906.481
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.4	100.849.526.129	95.044.572.712
Đầu tư vào công ty con	251		71.445.000.000	65.445.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		30.825.500.000	30.825.500.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.420.973.871)	(1.475.927.288)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	250.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		51.068.047.490	43.944.671.164
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	51.068.047.490	43.944.671.164
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.178.026.890.591	1.073.947.354.721

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		858.352.904.914	774.452.689.487
I. Nợ ngắn hạn	310		733.535.102.885	674.597.136.456
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	53.725.996.223	30.718.042.433
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	2.647.697.267	1.022.907.264
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	16.866.878.492	19.935.000.726
Phải trả người lao động	314		6.235.145.311	4.555.446.288
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	3.498.343.720	9.116.038.844
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	650.561.003.564	609.249.662.593
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		38.308	38.308
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		124.817.802.029	99.855.553.031
Phải trả người bán dài hạn	331	V.14	49.343.009.222	34.072.948.947
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	V.17	58.739.857.000	35.454.300.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	16.734.935.807	30.328.304.084
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

Đơn vị tính: VND

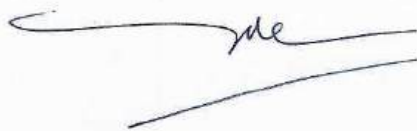
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		319.673.985.677	299.494.665.234
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	319.673.985.677	299.494.665.234
Vốn góp của chủ sở hữu	411		234.851.540.000	234.851.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		234.851.540.000	234.851.540.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		46.428.827.960	46.428.827.960
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		(10.100.000)	(10.100.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		5.011.297.455	5.011.297.455
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.392.420.262	13.213.099.819
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.149.621.941	2.857.707.987
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		32.242.798.321	10.355.391.832
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.178.026.890.591	1.073.947.354.721

Người lập biểu



VŨ THỊ MINH NGUYỆT

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ MỸ DIỆU

Lập, ngày 02 tháng 12 năm 2024

Tổng Giám đốc




NGUYỄN HOÀNG TÂN


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm tài chính từ 01/10/2023 đến 30/09/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.538.505.868.891	1.396.812.606.867
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	580.288.833	52.240.441
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.537.925.580.058	1.396.760.366.426
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.417.234.461.406	1.298.041.399.193
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		120.691.118.652	98.718.967.233
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	24.696.990.484	12.271.610.393
Chi phí tài chính	22	VI.5	53.162.905.562	61.167.605.427
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		46.021.425.705	54.692.276.002
Chi phí bán hàng	25	VI.8	23.014.112.660	13.244.311.958
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	26.243.320.159	19.277.949.412
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		42.967.770.755	17.300.710.829
Thu nhập khác	31	VI.6	654.586.104	2.111.170.777
Chi phí khác	32	VI.7	2.878.897.816	698.128.075
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(2.224.311.712)	1.413.042.702
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		40.743.459.043	18.713.753.531
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	8.500.660.722	8.358.361.699
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		32.242.798.321	10.355.391.832

Người lập biểu



VŨ THỊ MINH NGUYỆT

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ MỸ DIỆU

Lập, ngày 02 tháng 12 năm 2024

Tổng Giám đốc




NGUYỄN HOÀNG TÂN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính từ 01/10/2023 đến 30/09/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		40.743.459.043	18.713.753.531
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		15.254.026.754	15.099.860.153
- Các khoản dự phòng	03		(142.593.295)	(273.997.121)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.233.757.667)	1.530.073.379
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(18.105.716.397)	(9.733.624.673)
- Chi phí lãi vay	06		46.021.425.705	54.692.276.002
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		82.536.844.143	80.028.341.271
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		46.909.190.380	96.438.501.384
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(24.905.831.729)	(50.841.647.186)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		62.324.338.293	41.761.704.129
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(7.515.831.763)	(2.755.643.451)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(46.021.425.705)	(54.692.276.002)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(11.934.472.245)	(3.495.382.541)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(463.073.551)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		101.392.811.374	105.980.524.053
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.729.688.208)	(15.957.065.094)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.030.169.555	5.000.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(144.046.950.022)	(105.235.776.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		50.968.721.796	48.263.604.099
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.000.000.000)	(45.900.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.559.823.401	1.168.331.927
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(90.217.923.478)	(112.660.905.068)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		1.385.093.464.270	1.303.055.882.666
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.359.012.384.771)	(1.294.952.858.987)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(3.780.957.749)	(5.416.621.864)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.707.331.200)	(14.065.231.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		10.592.790.550	(11.378.829.385)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính từ 01/10/2023 đến 30/09/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		21.767.678.446	(18.059.210.400)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	14.253.361.170	32.029.766.044
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		27.351.561	282.805.526
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	V.1	36.048.391.177	14.253.361.170

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 02 tháng 12 năm 2024

Tổng Giám đốc



VŨ THỊ MINH NGUYỆT



NGUYỄN THỊ MỸ DIỆU




NGUYỄN HOÀNG TÂN



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính từ 01/10/2023 đến 30/09/2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty cổ phần số 0302047389, đăng ký lần đầu ngày 10/07/2000 và thay đổi lần thứ 30 vào ngày 14/11/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 30: 434.727.160.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/09/2024: 234.851.540.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên tại ngày 30/09/2024: 439 người.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Buôn bán thực phẩm;
-

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng**5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng**

Không có

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con:					
Công ty TNHH Ngu nghiệp Hùng Hậu	Số 45D/TB Quốc lộ 54, Ấp Tân Bình, Xã Tân Thành, Huyện Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp	100,00%	100,00%	65,00%	65,00%
Công ty TNHH Happyfood Vietnam	Lô CVI-2, Khu C, Khu công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, TP. Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp	54,06%	59,75%	54,06%	59,75%

Công ty liên kết: không có

Cơ sở đồng kiểm soát: không có

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc: không có

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/10 năm trước và kết thúc vào ngày 30/09 năm sau.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

11729-
CÔNG TY
NH
TU VÀ
H KẾ T
M TOÁN
NAM
HỒ C

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 14	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08	năm

7. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

- Máy móc, thiết bị	07 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08	năm

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất thuê được khấu hao theo thời hạn thuê đất (Từ 32 - 44 năm).

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 05 đến 08 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

11. Nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

12. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phân ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của cổ đông Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hoá và thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - + Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - + Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - + Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

Công ty xác định thu nhập đối với hoạt động chế biến thủy sản nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 15% theo quy định tại Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 của Bộ tài chính. Thu nhập từ các hoạt động khác áp dụng phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có thể chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	1.675.047.512	1.535.170.821
- Tiền gửi ngân hàng	34.373.343.665	12.718.190.349
+ Tiền gửi (VND)	32.260.667.449	12.385.712.602
+ Tiền gửi (USD)	2.108.578.460	328.364.373
+ Tiền gửi (EUR)	4.097.756	4.113.374
- Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	36.048.391.177	14.253.361.170

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
2.1. Ngắn hạn	59.417.336.405	110.758.390.249
Công ty TNHH Nông nghiệp Đồng Tháp Mười	16.422.022.772	61.879.405.325
Công ty TNHH Nông nghiệp Tây Nguyên	18.081.014.738	27.110.784.500
Các đối tượng khác	24.914.298.895	21.768.200.424
2.2. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	55.691.202.281	59.889.821.258
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu	26.328.435.489	38.723.647.460
Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu	13.031.413.656	13.228.369.336
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	5.884.407.080	2.982.790.158
Công ty Cổ phần Giáo dục Hùng Hậu	1.520.400.000	823.633.334
Trường Đại học Văn Hiến	8.771.277.828	4.047.498.720
Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu	155.268.228	83.882.250
Cộng	115.108.538.686	170.648.211.507

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	10.843.244.332	3.249.093.595
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	4.406.155.000	-
Chi nhánh Công ty TNHH Tiếp vận Kết nối Việt	715.000.000	715.000.000
Các đối tượng khác	5.722.089.332	2.534.093.595
Cộng	10.843.244.332	3.249.093.595

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**4.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a. Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	62.138.069.664	62.138.069.664	40.517.104.181	40.517.104.181
- Trái phiếu	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
Cộng	62.138.069.664	62.138.069.664	40.517.104.181	40.517.104.181
b. Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
- Trái phiếu	-	-	250.000.000	250.000.000
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
Cộng	-	-	250.000.000	250.000.000

4.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
a. Đầu tư vào công ty con	71.445.000.000	(1.420.973.871)	70.024.026.129	65.445.000.000	(1.475.927.288)	63.969.072.712
Công ty TNHH Nưg nghiệp Hùng Hậu (1)	19.545.000.000	(775.120.899)	18.769.879.101	19.545.000.000	(742.968.559)	18.802.031.441
Công ty TNHH Happyfood Vietnam (2)	51.900.000.000	(645.852.972)	51.254.147.028	45.900.000.000	(732.958.729)	45.167.041.271
b. Đầu tư vào các đơn vị khác	30.825.500.000	-	30.825.500.000	30.825.500.000	-	30.825.500.000
Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Năm Căn (15.952 CP)	159.520.000	-	159.520.000	159.520.000	-	159.520.000
Công ty Cổ phần Bao bì Thủy sản (6.598 CP)	65.980.000	-	65.980.000	65.980.000	-	65.980.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu	30.600.000.000	-	30.600.000.000	30.600.000.000	-	30.600.000.000
Cộng	102.270.500.000	(1.420.973.871)	100.849.526.129	96.270.500.000	(1.475.927.288)	94.794.572.712



Ghi chú:

- (1) Khoản đầu tư góp vốn (65%) vào Công ty TNHH Ngr nghiệp Hùng Hậu theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 1402052916 đăng ký lần đầu ngày 24/10/2016 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 24/02/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp. Tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 65.000.000.000 VND; trong đó, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu cam kết góp là 42.250.000.000 VND. Theo báo cáo tài chính của Công ty TNHH Ngr nghiệp Hùng Hậu. Vốn góp thực tế đến thời điểm kết thúc năm tài chính ngày 30/09/2024 là 19.545.000.000 VND, do chỉ có Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu thực hiện góp vốn nên tỷ lệ lợi ích Công ty được hưởng là 100%.
- (2) Khoản đầu tư góp vốn (54,06%) vào Công ty TNHH Happyfood Vietnam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 1400457610 đăng ký lần đầu ngày 15/08/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 18/01/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp. Tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 96.000.000.000 VND; trong đó, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu cam kết góp là 51.900.000.000 VND. Theo báo cáo tài chính của Công ty TNHH Happyfood Vietnam. Vốn góp thực tế đến thời điểm kết thúc năm tài chính ngày 30/09/2024 là 96.000.000.000 VND. Trong đó, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đã góp 51.900.000.000 VND (chiếm 54,06% vốn góp thực tế) nên tỷ lệ lợi ích Công ty được hưởng là 54,06%.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Số đầu năm
5.1. Ngắn hạn		
Cá nhân ngoài Công ty	17.462.894.644	20.972.171.901
5.2. Phải thu về cho vay là các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu	42.155.000.000	36.000.000.000
Công ty TNHH Happyfood Vietnam (ngắn hạn)	49.699.937.940	
Công ty TNHH Happyfood Vietnam (dài hạn)	27.000.000.000	
Cộng	136.317.832.584	56.972.171.901

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
6.1. Ngắn hạn				
- Tạm ứng	1.392.748.873	-	8.709.339.224	-
- Ký cược, ký quỹ	163.005.960	-	227.000.000	-
- Phải thu ngắn hạn khác (*)	10.976.269.153	-	15.689.394.029	-
- Phải trả khác	103.722.743	-	-	-
Cộng	12.635.746.729	-	24.625.733.253	-
6.2. Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	8.533.661.000	-	1.508.885.000	-
- Phải thu dài hạn khác	694.710.547	-	678.989.858	-
Cộng	9.228.371.547	-	2.187.874.858	-

(*) **Ghi chú:**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác tại ngày 30/09/2024 bao gồm:		
Công ty TNHH Happyfood Vietnam (Công ty con)	969.026.212	7.638.397.940
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu (Bên liên quan)	2.693.475.600	2.354.032.893
Lãi cho vay cá nhân	3.000.857.680	3.270.361.323
Quỹ Trái tim Hùng Hậu (Bên liên quan)	500.000.000	500.000.000
Lãi tiền gửi dự thu của khoản tiền gửi có kỳ hạn	1.291.623.763	1.600.532.292
Thuế GTGT chưa kê khai	26.420.679	137.323.015
Công ty TNHH Việt Nam Harvest	661.000.000	-
Các đối tượng khác	1.833.865.219	188.746.566
Cộng	10.976.269.153	15.689.394.029

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	1.844.758.357	-	1.031.388.421	-
- Công cụ, dụng cụ	2.351.064.159	-	2.437.904.044	-
- Chi phí SXKD dở dang	1.355.880.650	-	1.225.014.726	-
- Thành phẩm	371.406.444.040	-	349.223.811.130	-
- Hàng hóa	12.902.039	-	-	-
- Hàng hóa gửi bán	1.852.900.805	-	-	-
Cộng	378.823.950.050	-	353.918.118.321	-

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 đồng Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất: không phát sinh
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 230.000.000.000 đồng.

8. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang (*)	6.749.503.009	5.956.906.481
Cộng	6.749.503.009	5.956.906.481

(*) **Ghi chú:**

Dự án TTTM và Căn hộ cao cấp SJ1 Plaza	1.878.034.091	1.878.034.091
Dự án khác	123.514.000	123.514.000
Nhà máy 2 - Tân Phú Trung	210.981.818	210.981.818
Xây dựng mới kho lạnh 2000T - Gió Bắc	72.135.000	72.135.000
Dự án rừng Đặc Nông	3.842.138.100	3.049.541.572
Dự án 624 Âu Cơ	622.700.000	622.700.000
Cộng	6.749.503.009	5.956.906.481

9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	165.247.020.572	93.327.751.649	7.487.646.957	2.096.034.376	268.158.453.554
Số tăng trong năm	2.140.390.318	4.844.172.876	-	1.126.760.602	8.111.323.796
- Mua trong năm	-	3.666.067.760	-	1.126.760.602	4.792.828.362
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	2.140.390.318	-	-	-	2.140.390.318
- Tăng khác (thuê tài chính)	-	1.178.105.116	-	-	1.178.105.116
Số giảm trong năm	372.524.000	1.293.211.000	1.129.861.002	-	2.795.596.002
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	372.524.000	1.293.211.000	1.129.861.002	-	2.795.596.002
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	167.014.886.890	96.878.713.525	6.357.785.955	3.222.794.978	273.474.181.348
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	44.032.496.701	69.288.228.724	5.826.576.118	2.096.034.376	121.243.335.919
Số tăng trong năm	5.531.276.581	6.669.950.263	435.862.995	79.479.801	12.716.569.640
- Khấu hao trong năm	5.531.276.581	6.146.339.065	435.862.995	79.479.801	12.192.958.442
- Tăng khác (thuê tài chính)	-	523.611.198	-	-	523.611.198
Số giảm trong năm	332.849.311	64.360.000	1.129.861.002	-	1.527.070.313
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	332.849.311	64.360.000	1.129.861.002	-	1.527.070.313
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	49.230.923.971	75.893.818.987	5.132.578.111	2.175.514.177	132.432.835.246
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	121.214.523.871	24.039.522.925	1.661.070.839	-	146.915.117.635
Tại ngày cuối năm	117.783.962.919	20.984.894.538	1.225.207.844	1.047.280.801	141.041.346.102

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý

89.932.827.440 VND
40.404.323.104 VND
- VND



10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Giấy phép và Giấy phép nhượng quyền	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	101.888.720.014	-	-	393.100.000	-	-	102.281.820.014
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	101.888.720.014	-	-	393.100.000	-	-	102.281.820.014
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	10.236.535.288	-	-	341.093.935	-	-	10.577.629.223
Số tăng trong năm	1.184.671.824	-	-	13.749.996	-	-	1.198.421.820
- Khấu hao trong năm	1.184.671.824	-	-	13.749.996	-	-	1.198.421.820
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	11.421.207.112	-	-	354.843.931	-	-	11.776.051.043
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	91.652.184.726	-	-	52.006.065	-	-	91.704.190.791
Tại ngày cuối năm	90.467.512.902	-	-	38.256.069	-	-	90.505.768.971

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:

88.598.556.002 VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

283.100.000 VND



11 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Nhà của, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ thuê tài chính khác	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	-	11.880.532.637	-	-	11.880.532.637
Số tăng trong năm	-	2.222.661.907	1.488.354.887	-	3.711.016.794
- Thuê tài chính trong năm	-	2.222.661.907	1.488.354.887	-	3.711.016.794
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	1.174.232.116	-	-	1.174.232.116
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	1.174.232.116	-	-	1.174.232.116
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	12.928.962.428	1.488.354.887	-	14.417.317.315
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	1.516.564.291	-	-	1.516.564.291
Số tăng trong năm	-	1.723.113.228	139.533.264	-	1.862.646.492
- Khấu hao trong năm	-	1.723.113.228	139.533.264	-	1.862.646.492
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	523.611.198	-	-	523.611.198
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	523.611.198	-	-	523.611.198
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	2.716.066.321	139.533.264	-	2.855.599.585
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	10.363.968.346	-	-	10.363.968.346
Tại ngày cuối năm	-	10.212.896.107	1.348.821.623	-	11.561.717.730

Ghi chú:

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm
- Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm
- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được quyền mua tài sản

: không

: không

: không

12 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

12.1. Ngắn hạn

Ngân hàng	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	22.981.213.615	22.981.213.615	53.490.316.620	53.449.778.409	22.940.675.404	22.940.675.404
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	245.839.300.000	245.839.300.000	511.633.500.000	504.990.200.000	239.196.000.000	239.196.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	15.358.390.815	15.358.390.815	55.454.863.245	59.074.328.546	18.977.856.116	18.977.856.116
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Phú	93.201.627.000	93.201.627.000	202.521.182.840	207.247.091.840	97.927.536.000	97.927.536.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	221.571.378.710	221.571.378.710	500.306.413.213	492.508.614.924	213.773.580.421	213.773.580.421
Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank, Ltd - Chi nhánh TP. HCM	35.412.000.000	35.412.000.000	61.687.188.352	26.275.188.352	-	-
b. Nợ dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Phú	4.996.400.004	4.996.400.004	4.996.400.000	4.996.400.000	4.996.400.004	4.996.400.004
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	7.766.366.000	7.766.366.000	7.766.366.000	9.100.116.000	9.100.116.000	9.100.116.000
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	2.184.327.416	2.184.327.416	2.184.327.416	1.087.498.644	1.087.498.644	1.087.498.644
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.250.000.004	1.250.000.004	1.250.000.004	1.250.000.004	1.250.000.004	1.250.000.004
Cộng	650.561.003.564	650.561.003.564	1.401.290.557.690	1.359.979.216.719	609.249.662.593	609.249.662.593



Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Số/ngày của hợp đồng vay	Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số cuối năm	Hình thức đảm bảo khoản vay
Bản sửa đổi UOB/HCMC/CASL/20234 ngày 26/02/2021 của Hợp đồng tín dụng UOB/HCMC/CASL/18202 - tự động gia hạn sau 1 năm	Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	12 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	22.981.213.615	
201918906827 ngày 12/07/2022 và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung cấp tín dụng hạn mức số 01/201918906827 ngày 19/07/2023; số 02/201918906827 ngày 22/08/2023; 03/201918906827 ngày 31/07/2024	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	12 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	245.839.300.000	Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu công trình trên đất, NCVKT, PTVT của Công ty, Quyền đòi nợ từ các thương vụ xuất khẩu do Sacombank tài trợ, Hàng tồn kho
CVL.DN.2560.170724 ngày 06/08/2024	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	12 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	15.358.390.815	Tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại ACB, Hàng tồn kho của Công ty, khoản phải thu, quyền tài sản từ hợp đồng xuất khẩu
1606-LAV-202300141 ngày 10/05/2024	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Phú	12 tháng (đến hết ngày 03/05/2025)	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	93.201.627.000	Quyền sử dụng đất, NCVKT, PTVT của Công ty, Hàng tồn kho của Công ty, Bất động sản của bên thứ 3
01/2024/1777831/HDTD ngày 27/08/2024	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	12 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	221.571.378.710	Quyền thuê đất, NCVKT, MMTB, PTVT của Công ty



HNHCMCFL-S/10/2024 ngày 01/03/2024	Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank, Ltd - Chi nhánh TP. HCM	12 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	35.412.000.000	Tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Hua Nan, Tài sản cá nhân của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc
1606-LDS202001537	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Phú	60 tháng		296.400.000	
1606-LAV201600721 ngày 07/09/2016		120 tháng		4.700.000.004	
LD1511700300	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	120 tháng		1.866.290.000	
LD1623100128		60 tháng		4.530.000.000	
LD1728500607		120 tháng		1.370.076.000	
2021-00195-000 ngày 26/01/2022	Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	48 tháng		695.145.216	
2021-00196-000 ngày 26/01/2022		48 tháng		392.353.424	
2023-00234-000 ngày 24/10/2023		36 tháng		428.473.392	
2023-00233-000 ngày 02/11/2023		36 tháng		361.872.036	
2024-00002-000 ngày 26/01/2024		36 tháng		32.811.336	
2024-00001-000 ngày 05/02/2024		36 tháng		128.263.668	
2024-00093-000 ngày 03/06/2024		36 tháng		32.811.336	
2024-00092-000 ngày 03/06/2024		36 tháng		112.597.008	
64/2023/CN.MN-CTTC ngày 12/06/2023	Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	48 tháng		1.250.000.004	
Cộng				<u>650.561.003.564</u>	

12.2. Dài hạn

Ngân hàng	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Phú	4.776.099.996	4.776.099.996	-	4.996.400.000	9.772.499.996	9.772.499.996
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	7.579.600.000	7.579.600.000	-	7.766.366.000	15.345.966.000	15.345.966.000
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	2.191.735.820	2.191.735.820	4.047.184.244	3.627.786.517	1.772.338.093	1.772.338.093
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	2.187.499.991	2.187.499.991	-	1.250.000.004	3.437.499.995	3.437.499.995
Cộng	16.734.935.807	16.734.935.807	4.047.184.244	17.640.552.521	30.328.304.084	30.328.304.084

Chi tiết các khoản vay dài hạn tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Số/ngày của hợp đồng vay	Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số cuối năm	Hình thức đảm bảo khoản vay
1606-LDS202001537	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Phú	60 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	76.100.000	Quyền sử dụng đất, NCVKT, PTVT của Công ty
1606-LAV201600721 ngày 07/09/2016		120 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	4.699.999.996	
LD1623100128	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	60 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	4.530.000.000	Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu công trình trên đất,
LD1728500607		120 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	3.049.600.000	NCVKT, PTVT của Công ty
2021-00195-000 ngày 26/01/2022	Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	48 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	521.358.888	



2021-00196-000 ngày 26/01/2022	48 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	163.480.565	
2023-00234-000 ngày 24/10/2023	36 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	571.297.824	
2023-00233-000 ngày 02/11/2023	36 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	422.184.034	
2024-00002-000 ngày 26/01/2024	36 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	46.482.718	
2024-00001-000 ngày 05/02/2024	36 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	203.084.137	
2024-00093-000 ngày 03/06/2024	36 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	57.419.830	
2024-00092-000 ngày 03/06/2024	36 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	206.427.824	
64/2023/CN.MN-CTTC ngày 12/06/2023	Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	48 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	2.187.499.991

Cộng

16.734.935.807

12.3. Các khoản nợ thuê tài chính

Thời hạn	Năm nay			Năm trước		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống						
Trên 1 năm đến dưới 5 năm	4.477.349.641	696.391.892	3.780.957.749	5.975.243.958	558.622.094	5.416.621.864
Trên 5 năm						

12.4. Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán : không có

12.5. Các khoản vay và thuê tài chính đối với các bên liên quan : không có



13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
13.1. Ngắn hạn		
- Tiền thuê đất	1.315.266.746	1.415.552.249
- CCDC xuất dùng	245.568.450	91.159.874
- Bảo hiểm tài sản	312.871.748	304.774.702
- Chi phí khác	659.830.547	329.595.229
Cộng	2.533.537.491	2.141.082.054
13.2. Dài hạn		
- Tiền thuê đất	37.612.126.442	39.059.097.842
- CCDC xuất dùng	2.043.227.633	1.430.862.151
- Chi phí sửa chữa	11.412.693.415	3.454.711.171
Cộng	51.068.047.490	43.944.671.164

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
14.1. Ngắn hạn				
Công ty TNHH Phát triển Năng lượng Xuyên Chi	2.388.215.504	2.388.215.504	-	-
Các đối tượng khác	34.648.281.067	34.648.281.067	27.795.811.831	27.795.811.831
14.2. Dài hạn				
Công ty TNHH Phát triển Năng lượng Xuyên Chi	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-
Các đối tượng khác	16.274.133.236	16.274.133.236	15.982.472.961	15.982.472.961
14.3. Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty TNHH Ngư Nghiệp Hùng Hậu (Dài hạn)	18.068.875.986	18.068.875.986	18.090.475.986	18.090.475.986
Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu	185.251.482	185.251.482	-	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu	16.504.248.170	16.504.248.170	2.922.230.602	2.922.230.602
Cộng	103.069.005.445	103.069.005.445	64.790.991.380	64.790.991.380

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Các đối tượng chiếm từ 10% trên tổng số Người mua trả tiền trước	1.880.858.495	1.880.858.495	532.492.583	532.492.583
Các đối tượng khác	766.838.772	766.838.772	490.414.681	490.414.681
Cộng	2.647.697.267	2.647.697.267	1.022.907.264	1.022.907.264

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	112.688.606	112.688.606	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	4.553.381	4.553.381	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.953.170.734	8.500.660.722	11.934.472.245	10.519.359.211
Thuế thu nhập cá nhân	1.497.811.625	1.384.033.352	1.217.561.140	1.664.283.837
Thuế tài nguyên	6.588.160	49.354.240	40.394.240	15.548.160
Tiền thuê đất, thuế sử dụng đất	4.477.430.207	4.758.296.751	4.568.039.674	4.667.687.284
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế khác	-	81.828.480	81.828.480	-
Cộng	19.935.000.726	14.894.415.532	17.962.537.766	16.866.878.492

Ghi chú: Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
17.1. Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	1.422.874.354	1.216.662.934
- BHXH, BHYT, BHTN	1.278.213.908	6.993.314.624
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	178.796.400	144.055.600
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	618.459.058	762.005.689
Cộng	3.498.343.720	9.116.038.844
17.2. Dài hạn		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	58.739.857.000	35.454.300.000
Cộng	58.739.857.000	35.454.300.000
Khoản phải trả khác của các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu (dài hạn)	58.739.857.000	35.454.300.000
Quý Trái tim Hùng Hậu (ngắn hạn)	5.000.000	5.000.000
Cộng	58.744.857.000	35.459.300.000

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	234.851.540.000	46.428.827.960	(10.100.000)	5.011.297.455	17.429.117.910	303.710.683.325
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	10.355.391.832	10.355.391.832
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(14.571.409.923)	(14.571.409.923)
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	234.851.540.000	46.428.827.960	(10.100.000)	5.011.297.455	13.213.099.819	299.494.665.234
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	32.242.798.321	32.242.798.321
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(12.063.477.878)	(12.063.477.878)
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	234.851.540.000	46.428.827.960	(10.100.000)	5.011.297.455	33.392.420.262	319.673.985.677



18.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm
- Vốn góp của Công ty mẹ (Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu)	51,287%	120.448.160.000	51,287%	120.448.160.000
- Trường Đại học Văn Hiến	8,054%	18.913.910.000	8,054%	18.913.910.000
- Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần	9,995%	23.474.530.000	9,995%	23.474.530.000
- Vốn góp của các đối tượng khác (*)	30,664%	72.014.940.000	30,664%	72.014.940.000
Cộng		234.851.540.000		234.851.540.000

- Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.010 cổ phiếu

18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	234.851.540.000	234.851.540.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	234.851.540.000	234.851.540.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	(12.063.477.878)	(14.571.409.923)

18.4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.485.154	23.485.154
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.485.154	23.485.154
+ Cổ phiếu phổ thông	23.485.154	23.485.154
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.010	1.010
+ Cổ phiếu phổ thông	1.010	1.010
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.484.144	23.484.144
+ Cổ phiếu phổ thông	23.484.144	23.484.144
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

18.5. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	5%	6%
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

18.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	5.011.297.455	5.011.297.455
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	86.587,15	13.803,78
- EUR	862,85	4.099,29
- CNY	2.775,20	2.775,20
- SGD	900,00	-
- JPY	20.000,00	-
- IDR	3.824.000,00	-

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Đơn vị tính: VND

1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	72.065.875.424	-
- Doanh thu bán thành phẩm	1.371.846.820.509	1.318.213.998.634
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	94.593.172.958	78.598.608.233
Cộng	1.538.505.868.891	1.396.812.606.867

Trong đó:

Doanh thu xuất khẩu	356.011.412.361	242.543.260.110
Doanh thu nội địa	1.182.494.456.530	1.154.269.346.755
Cộng	1.538.505.868.891	1.396.812.606.867

2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	5.057.398	8.193.489
- Giảm giá hàng bán	-	17.210.200
- Hàng bán bị trả lại	575.231.435	26.836.752
Cộng	580.288.833	52.240.441

3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng hóa	61.961.859.511	-
- Giá vốn thành phẩm	1.301.211.327.108	1.257.378.784.736
- Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	54.061.274.787	40.662.614.457
Cộng	1.417.234.461.406	1.298.041.399.193

4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.743.893.631	8.017.972.071
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.501.967.006	4.164.307.122
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.233.757.667	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.196.952.000	89.331.200
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	20.420.180	-
Cộng	24.696.990.484	12.271.610.393

5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	46.021.425.705	54.692.276.002
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.084.630.334	4.206.651.369
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.530.073.379
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(54.953.417)	738.604.677
- Chi phí tài chính khác	111.802.940	-
Cộng	53.162.905.562	61.167.605.427

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	164.870.766	1.626.321.402
- Thu bồi thường, hỗ trợ	18.133.827	330.098.000
- Điều chỉnh nợ	1.600.600	-
- Các khoản khác	469.980.911	154.751.375
Cộng	654.586.104	2.111.170.777

7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản tiền nộp phạt kể cả vi phạm hành chính	2.685.183.923	654.672.505
- Các khoản khác	193.713.893	43.455.570
Cộng	2.878.897.816	698.128.075

8. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**8.1. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân công	8.872.679.957	5.920.678.206
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.897.304.543	4.564.930.379
- Chi phí khác bằng tiền	4.244.128.160	2.758.703.373
Cộng	23.014.112.660	13.244.311.958

8.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí công cụ, dụng cụ	10.000.000	-
- Chi phí nhân công	17.435.594.373	11.485.109.773
- Chi phí khấu hao	545.061.477	352.300.692
- Thuế, phí, lệ phí	12.368.018	4.823.904
- Hoàn nhập các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi	(87.639.878)	(1.012.601.798)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.638.328.901	2.610.520.826
- Chi phí khác bằng tiền	4.689.607.268	5.837.796.015
Cộng	26.243.320.159	19.277.949.412

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.253.962.556.413	1.251.737.818.427
- Chi phí nhân công	88.600.911.123	66.618.718.453
- Chi phí khấu hao TSCĐ	15.254.026.754	15.099.860.153
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.100.008.756	20.670.233.955
- Chi phí bằng tiền khác	28.013.670.380	28.509.750.081
Cộng	1.426.931.173.426	1.382.636.381.069

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	8.500.660.722	8.358.361.699
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Cộng	<u>8.500.660.722</u>	<u>8.358.361.699</u>

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

Trong năm tài chính từ 01/10/2023 đến 30/09/2024, Công ty không phát sinh các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng

Trong năm tài chính từ 01/10/2023 đến 30/09/2024, Công ty có các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trị giá 14.000.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Á Châu, 20.170.000.000 đồng tại Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank, Ltd - Chi nhánh TP. HCM và 23.800.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Điền Sài Gòn do công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng do khoản tiền này được dùng đảm bảo cho các khoản vay tại 3 ngân hàng trên.

3 . Số tiền đi vay thực thu trong năm

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.385.093.464.270	1.303.055.882.666
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-	-

4 . Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.359.012.384.771	1.294.952.858.987
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-	-

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Thông tin về Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo các đơn vị dịch vụ và lĩnh vực kinh doanh

Khoản mục	Bán thành phẩm, hàng hoá	Cung cấp dịch vụ	Tổng cộng
Doanh thu thuần	1.443.332.407.100	94.593.172.958	1.537.925.580.058
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.443.332.407.100	94.593.172.958	1.537.925.580.058
Giá vốn	1.363.173.186.619	54.061.274.787	1.417.234.461.406
Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	1.363.173.186.619	54.061.274.787	1.417.234.461.406
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	80.159.220.481	40.531.898.171	120.691.118.652
Doanh thu hoạt động tài chính			24.696.990.484
Chi phí tài chính			53.162.905.562
Chi phí bán hàng			23.014.112.660
Chi phí quản lý doanh nghiệp			26.243.320.159
Thu nhập khác			654.586.104
Chi phí khác			2.878.897.816
Chi phí thuế TNDN hiện hành			8.500.660.722
Tổng lợi nhuận sau thuế			32.242.798.321
Tổng chi phí mua tài sản			
Tài sản bộ phận			
Tài sản bộ phận phân bổ			1.077.177.364.462
Tài sản không phân bổ			100.849.526.129
Tổng tài sản			1.178.026.890.591
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp			
Nợ phải trả bộ phận phân bổ			191.056.965.543
Nợ phải trả không phân bổ			667.295.939.371
Tổng cộng nợ			858.352.904.914

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính:

Trong tháng 10/2024, Công ty đã hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng tăng vốn góp của chủ sở hữu từ 234.851.540.000 đồng lên 434.727.160.000 đồng, thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, sửa đổi Điều lệ Công ty, lưu ký bổ sung lượng cổ phiếu mới phát hành từ ngày 14/11/2024.

3 . Thông tin về các bên liên quan**3.1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc.

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt:

Chi phí của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Năm nay	Năm trước
Ông Từ Thanh Phụng	566.381.200	502.767.500
Ông Vũ Quang Chính	429.169.440	391.543.050
Ông Nguyễn Văn Dol	452.072.127	377.224.697
Ông Nguyễn Tú Kỳ	62.765.611	692.823.869
Bà Nguyễn Yến	208.759.676	191.675.000
Ông Lê Phạm Công Hoang	658.326.831	-
Bà Nguyễn Thu Trang	156.218.588	-
Cộng	2.533.693.473	2.156.034.116

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Năm nay	Năm trước
Ông Từ Thanh Phụng	72.000.000	72.000.000
Bà Phạm Thị Minh Nguyệt	61.200.000	61.200.000
Ông Trần Thanh Hương	-	13.500.000
Bà Huỳnh Thanh	54.000.000	54.000.000
Ông Vũ Quang Chính	54.000.000	54.000.000
Ông Tôn Thất Diên Khoa	-	13.500.000
Bà Lê Thị Thùy Phương	54.000.000	40.500.000
Cộng	295.200.000	308.700.000

Giao dịch khác:

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị
Ông Vũ Quang Chính	Thu khác	1.310.607
	Chi khác	1.310.607
Ông Lê Phạm Công Hoang	Hoàn tạm ứng	70.000.000
	Thu khác	33.663
	Chi khác	33.663
Bà Nguyễn Thị Mỹ Diệu	Tạm ứng	5.000.000
	Hoàn tạm ứng	20.000.000
	Thu khác	10.759.500
	Chi khác	10.759.500
Bà Nguyễn Thu Trang	Tạm ứng	31.426.043
	Hoàn tạm ứng	31.426.043

Tại ngày kết thúc năm tài chính, không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt.

3.2. Giao dịch với các bên liên quan cá nhân khác: không phát sinh

3.3. Giao dịch với các bên liên quan là tổ chức

Bên liên quan	Mối quan hệ	Sở hữu vốn
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Công ty mẹ	51,287%
Công ty TNHH Nư nghiệp Hùng Hậu	Công ty con	100,000%
Công ty TNHH Happyfood Vietnam	Công ty con	54,060%
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn	9,995%
Trường Đại Học Văn Hiến	Cổ đông lớn, Thành viên cùng Tập đoàn	8,054%
Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu	Thành viên cùng Tập đoàn	
Quỹ Trái tim Hùng Hậu	Thành viên cùng Tập đoàn	
Công ty TNHH Xăng dầu Hùng Hậu	Thành viên cùng Tập đoàn	
Công ty Cổ phần Giáo dục Hùng Hậu	Thành viên cùng Tập đoàn	
Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu	Thành viên cùng Tập đoàn	
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu	Thành viên cùng Tập đoàn	

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Bán hàng hoá, dịch vụ	3.108.911.068
	Thu tiền bán hàng	396.005.261
	Mượn tiền	120.441.800.000
Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu	Trả lại tiền mượn	97.156.243.000
	Bán hàng hoá, dịch vụ	246.500
	Thu tiền bán hàng	197.221.900
Trường Đại Học Văn Hiến	Bán hàng hoá, dịch vụ	50.055.265.340
	Thu tiền bán hàng	50.284.424.452
Công ty TNHH Xăng dầu Hùng Hậu	Bán hàng hoá, dịch vụ	13.788.871
	Thu tiền bán hàng	14.891.980
Công ty Cổ phần Giáo dục Hùng Hậu	Bán hàng hoá, dịch vụ	850.136.461
	Thu tiền bán hàng	221.380.712
	Chi phí khác	11.400.000
Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu	Bán thanh lý tài sản	23.115.346
	Thu tiền thanh lý tài sản	50.000.000
	Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	8.516.367
	Mua hàng hóa, dịch vụ	171.529.150
Công ty TNHH Happyfood Vietnam	Cho vay tiền	86.013.540.000
	Thu lại tiền cho vay	16.952.000.000
	Lãi cho vay	969.026.212
	Góp vốn	6.000.000.000
Công ty TNHH Nư nghiệp Hùng Hậu	Trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	21.600.000
Quỹ Trái tim Hùng Hậu	Mua hàng hóa, dịch vụ	1.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu	Bán hàng hoá, dịch vụ	43.364.236.005
	Thu tiền bán hàng	58.224.191.098
	Mua hàng hoá, dịch vụ	13.512.897.537
	Cho vay tiền	8.764.000.000
	Cho mượn tiền	10.650.000.000
	Thu lại tiền cho mượn	23.270.000.000
	Thu lãi cho vay	5.069.032.893
	Lãi cho vay	4.727.475.600
	Cổ tức được chia	6.181.000.000
	Thu cổ tức	5.300.000.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Số dư</u>
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Phải thu khách hàng	5.884.407.080
	Phải trả khác	58.739.857.000
Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu	Phải thu khách hàng	13.031.413.656
Quỹ Trái tim Hùng Hậu	Phải thu khác	500.000.000
	Phải trả khác	5.000.000
Trường Đại Học Văn Hiến	Phải thu khách hàng	8.771.277.828
Công ty Cổ phần Giáo dục Hùng Hậu	Phải thu khách hàng	1.520.400.000
Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu	Phải thu khách hàng	155.268.228
	Phải trả người bán	185.251.482
Công ty TNHH Ngư nghiệp Hùng Hậu	Phải trả người bán	18.068.875.986
Công ty TNHH Happyfood Vietnam	Phải thu cho vay	76.699.937.940
	Phải thu khác (lãi cho vay)	969.026.212
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu	Phải thu khác	2.693.475.600
	Phải thu khách hàng	26.328.435.482
	Phải trả người bán	16.504.248.176
	Phải thu cho vay	42.155.000.000

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính từ 01/10/2022 đến 30/09/2023 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt.

Người lập biểu



VŨ THỊ MINH NGUYỆT

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ MỸ DIỆU

Lập, ngày 02 tháng 12 năm 2024

Tổng Giám đốc




NGUYỄN HOÀNG TÂN



Member of MSI Global Alliance

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính từ 01/10/2023 đến 30/09/2024



Đơn vị kiểm toán:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tel: (028) 3820 5944 - 3820 5947; Fax: (028) 3820 5942

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	07 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11 - 11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 47

011726
CÔNG TY
TNHH
VỤ TƯ
VẤN
KINH KẾ
KIỂM TO
HÀ NAM
P. P. HỒ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính từ 01/10/2023 đến 30/09/2024.

I. CÔNG TY**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty cổ phần số 0302047389, đăng ký lần đầu ngày 10/07/2000 và thay đổi lần thứ 30 vào ngày 14/11/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 30: 434.727.160.000 VND
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/09/2024: 234.851.540.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại, dịch vụ.**3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Buôn bán thực phẩm;
-

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con:					
Công ty TNHH Ngư nghiệp Hùng Hậu	Số 45D/TB Quốc lộ 54, Ấp Tân Bình, Xã Tân Thành, Huyện Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp	100,00%	100,00%	65,00%	65,00%
Công ty TNHH Happyfood Vietnam	Lô CVI-2, Khu C, Khu công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, TP. Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp	54,06%	59,75%	54,06%	59,75%

Công ty liên kết: không có

Cơ sở đồng kiểm soát: không có

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc: không có

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất cho năm tài chính từ 01/10/2023 đến 30/09/2024 là 31.373.244.210 VND (Cùng kỳ kế toán từ 01/10/2022 đến 30/09/2023 lợi nhuận sau thuế hợp nhất là 10.585.973.118 VND).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 30/09/2024 là 32.747.863.205 VND (Tại thời điểm 30/09/2023 lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 13.383.008.535 VND).

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Trong tháng 10/2024, Công ty đã hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng tăng vốn góp của chủ sở hữu từ 234.851.540.000 đồng lên 434.727.160.000 đồng, thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, sửa đổi Điều lệ Công ty, lưu ký bổ sung số lượng cổ phiếu mới phát hành từ ngày 14/11/2024.

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**Hội đồng Quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / Miễn nhiệm
Ông TỬ THANH PHỤNG	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 02/12/2021
Bà PHẠM THỊ MINH NGUYỆT	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 02/12/2021
Ông VŨ QUANG CHÍNH	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/10/2024
Bà HUỖNH THANH	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/12/2019
Bà LÊ THỊ THUỶ PHƯƠNG	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 24/12/2022

Ủy ban Kiểm toán

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / Miễn nhiệm
Bà LÊ THỊ THUỶ PHƯƠNG	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31/03/2023
Bà HUỖNH THANH	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2023

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / Miễn nhiệm
Ông NGUYỄN HOÀNG TÂN	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25/10/2024
Ông VŨ QUANG CHÍNH	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25/10/2024
Bà NGUYỄN THU TRANG	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Bổ nhiệm ngày 22/11/2024
Bà PHẠM THỊ BÍCH NHƯ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22/11/2024
Bà NGUYỄN THỊ BÍCH THUẬN	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22/11/2024
Ông NGUYỄN VĂN QUỐC	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22/11/2024
Bà NGUYỄN THANH HÀ	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/11/2023
Ông NGUYỄN TÚ KỶ	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/11/2023
Bà NGUYỄN YẾN	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25/11/2024
Ông NGUYỄN VĂN DOL	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22/11/2024
Bà NGUYỄN VIỆT THUY AN	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22/11/2024
Ông LÊ PHẠM CÔNG HOANG	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22/11/2024

Kế toán trưởng

Bà NGUYỄN THỊ MỸ DIỆU	Bổ nhiệm ngày 01/04/2022
-----------------------	--------------------------

Đại diện pháp luật

Ông NGUYỄN HOÀNG TÂN	- Tổng Giám đốc
Ông TỬ THANH PHỤNG	- Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện công tác kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính từ 01/10/2023 đến 30/09/2024. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất này;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/09/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính từ 01/10/2023 đến 30/09/2024, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính từ 01/10/2023 đến 30/09/2024.

Duyệt, ngày 02 tháng 12 năm 2024

TM. Ban Tổng Giám đốc

NGUYỄN HOÀNG TÂN
Tổng Giám đốc

C.T.C.P.
 HÙNG HẬU
 KIỂM T
 HÓA NA
 P.P.HC

Số: 789.../BCKT-TC/2024/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu, được lập ngày 02/12/2024, từ trang 07 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/09/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu tại ngày 30/09/2024, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2023 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác ký ngày 29/11/2023, kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**

Phó Tổng Giám đốc



Võ Thị Mỹ Hương

Số GCNĐKHN Kiểm toán: 0858-2023-142-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 4... tháng 12... năm 2024

Kiểm toán viên

A handwritten signature in blue ink, appearing to read "Trần Nguyễn Hoàng Mai", with a horizontal line extending to the right below it.

Trần Nguyễn Hoàng Mai

Số GCNĐKHN Kiểm toán: 1755-2023-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		768.526.723.505	720.486.392.287
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	36.103.456.196	14.409.000.271
Tiền	111		36.103.456.196	14.409.000.271
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		62.138.069.664	40.517.104.181
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.4	62.138.069.664	40.517.104.181
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		273.091.558.067	288.832.092.171
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	115.164.638.686	170.704.311.507
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	85.372.679.534	43.980.566.465
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	59.617.894.644	56.972.171.901
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	12.936.345.203	17.262.682.176
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(87.639.878)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	378.823.950.050	353.918.118.321
Hàng tồn kho	141		378.823.950.050	353.918.118.321
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18.369.689.528	22.810.077.343
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13	2.583.056.222	2.176.764.527
Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.731.518.697	20.578.198.207
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	55.114.609	55.114.609
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		573.186.091.148	435.800.826.127
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.228.371.547	2.187.874.858
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	V.6	9.228.371.547	2.187.874.858
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		243.108.832.803	248.983.276.772
Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	141.041.346.102	146.915.117.635
- Nguyên giá	222		273.474.181.348	268.158.453.554
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(132.432.835.246)	(121.243.335.919)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	11.561.717.730	10.363.968.346
- Nguyên giá	225		14.417.317.315	11.880.532.637
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.855.599.585)	(1.516.564.291)
Tài sản cố định vô hình	227	V.10	90.505.768.971	91.704.190.791
- Nguyên giá	228		102.281.820.014	102.281.820.014
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.776.051.043)	(10.577.629.223)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		236.850.678.674	106.519.630.064
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	236.850.678.674	106.519.630.064
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.4	30.825.500.000	31.975.500.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	900.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		30.825.500.000	30.825.500.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	250.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		53.172.708.124	46.134.544.433
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	52.757.849.436	45.669.399.843
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		414.858.688	465.144.590
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.341.712.814.653	1.156.287.218.414

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		979.132.174.396	826.201.544.489
I. Nợ ngắn hạn	310		760.871.814.820	684.381.405.986
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	54.210.558.923	31.422.919.133
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	2.647.697.267	1.022.907.264
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	16.897.433.745	19.964.624.799
Phải trả người lao động	314		6.326.244.484	4.573.548.788
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	4.014.006.529	9.610.581.101
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	676.775.835.564	617.786.786.593
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		38.308	38.308
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		218.260.359.576	141.820.138.503
Phải trả người bán dài hạn	331	V.14	31.274.133.236	15.982.472.96
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	V.17	58.739.857.000	35.454.300.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	128.155.979.807	90.088.180.084
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		90.389.533	295.185.458
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		362.580.640.257	330.085.673.925
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	362.580.640.257	330.085.673.925
Vốn góp của chủ sở hữu	411		234.851.540.000	234.851.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		234.851.540.000	234.851.540.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		46.428.827.960	46.428.827.960
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		(10.100.000)	(10.100.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		5.011.297.455	5.011.297.455
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32.747.863.205	13.383.008.535
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.389.350.157	2.669.479.255
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		31.358.513.048	10.713.529.280
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		43.551.211.637	30.421.099.975
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.341.712.814.653	1.156.287.218.414

Người lập biểu



VŨ THỊ MINH NGUYỆT

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ MỸ DIỆU

Lập, ngày 02 tháng 12 năm 2024

Tổng Giám đốc



NGUYỄN HOÀNG TÂN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính từ 01/10/2023 đến 30/09/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.538.505.868.891	1.396.812.606.867
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	580.288.833	52.240.441
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.537.925.580.058	1.396.760.366.426
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.417.234.461.406	1.298.041.399.193
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		120.691.118.652	98.718.967.233
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	23.728.364.832	12.272.115.916
Chi phí tài chính	22	VI.5	53.217.858.979	60.429.000.750
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		46.021.425.705	54.692.276.002
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	VI.8	23.014.112.660	13.244.311.958
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	26.705.096.697	19.625.505.463
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		41.482.415.148	17.692.264.978
Thu nhập khác	31	VI.6	1.085.771.927	2.111.170.777
Chi phí khác	32	VI.7	2.899.078.068	711.380.002
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.813.306.141)	1.399.790.775
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		39.669.109.007	19.092.055.753
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	8.500.660.722	8.358.361.699
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(204.795.925)	147.720.936
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		31.373.244.210	10.585.973.118
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		31.358.513.048	10.713.529.280
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		14.731.162	(127.556.162)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1.295	443
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	700	

Lập, ngày 02 tháng 12 năm 2024


Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



VŨ THỊ MINH NGUYỆT



NGUYỄN THỊ MỸ DIỆU



NGUYỄN HOÀNG TÂN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính từ 01/10/2023 đến 30/09/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		39.669.109.007	19.092.055.753
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		15.304.312.656	15.137.574.579
- Các khoản dự phòng	03		(87.639.878)	(1.012.601.798)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.233.757.667)	1.530.073.379
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(17.137.090.745)	(9.734.130.196)
- Chi phí lãi vay	06		46.021.425.705	54.692.276.002
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		82.536.359.078	79.705.247.719
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		51.742.074.337	64.722.034.285
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(24.905.831.729)	(50.841.647.186)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		75.305.232.698	71.486.549.101
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(7.494.741.288)	(5.018.913.619)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(46.021.425.705)	(54.692.276.002)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(11.934.472.245)	(3.495.382.541)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(463.073.551)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		119.227.195.146	101.402.538.206
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(170.965.462.622)	(125.443.360.592)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.030.169.555	5.000.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(58.033.410.022)	(105.235.776.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		34.016.721.796	48.263.604.099
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		900.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.560.223.961	1.168.837.450
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(177.491.757.332)	(176.246.695.043)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		1.474.093.464.270	1.371.352.882.666
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.378.673.508.771)	(1.294.952.858.987)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(3.780.957.749)	(5.416.621.864)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.707.331.200)	(14.065.231.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		79.931.666.550	56.918.170.615

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính từ 01/10/2023 đến 30/09/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		21.667.104.364	(17.925.986.222)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	14.409.000.271	32.052.180.967
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		27.351.561	282.805.526
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	V.1	36.103.456.196	14.409.000.271

Người lập biểu



VŨ THỊ MINH NGUYỆT

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ MỸ DIỆU

Lập, ngày 02 tháng 12 năm 2024

Tổng Giám đốc




NGUYỄN HOÀNG TÂN



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính từ 01/10/2023 đến 30/09/2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty cổ phần số 0302047389, đăng ký lần đầu ngày 10/07/2000 và thay đổi lần thứ 30 vào ngày 14/11/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 30: 434.727.160.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/09/2024: 234.851.540.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên tại ngày 30/09/2024: 439 người.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Buôn bán thực phẩm;
-

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng**5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

Không có

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con:					
Công ty TNHH Ngư nghiệp Hùng Hậu	Số 45D/TB Quốc lộ 54, Ấp Tân Bình, Xã Tân Thành, Huyện Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp	100,00%	100,00%	65,00%	65,00%
Công ty TNHH Happyfood Vietnam	Lô CVI-2, Khu C, Khu công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, TP. Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp	54,06%	59,75%	54,06%	59,75%

Công ty liên kết: không có

Cơ sở đồng kiểm soát: không có

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc: không có

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/10 năm trước và kết thúc vào ngày 30/09 năm sau.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tồn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.



Các khoản đầu tư

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 14	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08	năm

7. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

- Máy móc, thiết bị	07 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08	năm

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất thuê được khấu hao theo thời hạn thuê đất (Từ 32 - 44 năm).

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 05 đến 08 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

11. Nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

12. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

011726
CÔNG TY
TNHH
H VU TUV
INH KE
KIEM TO
PHIA NAM
T.P HO

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của cổ đông Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá và thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:



- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:

- + Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- + Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- + Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

Công ty xác định thu nhập đối với hoạt động chế biến thủy sản nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 15% theo quy định tại Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 của Bộ tài chính. Thu nhập từ các hoạt động khác áp dụng phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có thể chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.



22. Phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất***Bảng cân đối kế toán hợp nhất***

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty gồm:
 - + Các khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty con;
 - + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát;
 - + Các khoản phải thu, phải trả giữa Công ty mẹ với Công ty con;
 - + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm:
 - + Doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán giữa Công ty mẹ và Công ty con;
 - + Doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính giữa Công ty mẹ và Công ty con;
 - + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
 - + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	1.681.171.232	1.551.225.247
- Tiền gửi ngân hàng	34.422.284.964	12.857.775.024
+ Tiền gửi (VND)	32.309.608.748	12.525.297.277
+ Tiền gửi (USD)	2.108.578.460	328.364.373
+ Tiền gửi (EUR)	4.097.756	4.113.374
- Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	36.103.456.196	14.409.000.271

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
2.1. Ngắn hạn	59.473.436.405	110.814.490.249
Công ty TNHH Nông nghiệp Đồng Tháp Mười	16.422.022.772	61.879.405.325
Công ty TNHH Nông nghiệp Tây Nguyên	18.081.014.738	27.110.784.500
Các đối tượng khác	24.970.398.895	21.824.300.424
2.2. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	55.691.202.281	59.889.821.258
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu	26.328.435.489	38.723.647.460
Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu	13.031.413.656	13.228.369.336
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	5.884.407.080	2.982.790.158
Công ty Cổ phần Giáo dục Hùng Hậu	1.520.400.000	823.633.334
Trường Đại học Văn Hiến	8.771.277.828	4.047.498.720
Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu	155.268.228	83.882.250
Cộng	115.164.638.686	170.704.311.507

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	85.372.679.534	43.980.566.465
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	26.827.551.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Phát triển Miền Tây	41.753.577.932	40.615.472.870
Các đối tượng khác	16.791.550.602	3.365.093.595
Cộng	85.372.679.534	43.980.566.465

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

4.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a. Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	62.138.069.664	62.138.069.664	40.517.104.181	40.517.104.181
- Trái phiếu	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
Cộng	62.138.069.664	62.138.069.664	40.517.104.181	40.517.104.181
b. Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
- Trái phiếu	-	-	250.000.000	250.000.000
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
Cộng	-	-	250.000.000	250.000.000

4.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty TNHH Kho lạnh Gió Bắc	-	-	-	900.000.000	-	900.000.000
	-	-	-	900.000.000	-	900.000.000
b. Đầu tư vào các đơn vị khác	30.825.500.000	-	30.825.500.000	30.825.500.000	-	30.825.500.000
Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Năm Căn (15.952 CP)	159.520.000	-	159.520.000	159.520.000	-	159.520.000
Công ty Cổ phần Bao bì Thủy sản (6.598 CP)	65.980.000	-	65.980.000	65.980.000	-	65.980.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu	30.600.000.000	-	30.600.000.000	30.600.000.000	-	30.600.000.000
Cộng	30.825.500.000	-	30.825.500.000	31.725.500.000	-	31.725.500.000

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
5.1. Ngắn hạn				
Cá nhân ngoài Công ty				
		17.462.894.644		20.972.171.901
5.2. Phải thu về cho vay là bên liên quan				
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu				
		42.155.000.000		36.000.000.000
Cộng		59.617.894.644		56.972.171.901

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
6.1. Ngắn hạn				
- Tạm ứng	1.392.748.873	-	8.709.339.224	-
- Ký cược, ký quỹ	163.005.960	-	227.000.000	-
- Phải thu ngắn hạn khác (*)	11.276.867.627	-	8.326.342.952	-
- Phải trả khác	103.722.743	-	-	-
Cộng	12.936.345.203	-	17.262.682.176	-
6.2. Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	8.533.661.000	-	1.508.885.000	-
- Phải thu dài hạn khác	694.710.547	-	678.989.858	-
Cộng	9.228.371.547	-	2.187.874.858	-

Ghi chú:

(*) Phải thu ngắn hạn khác tại ngày 30/09/2024 bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu (Bên liên quan)	2.693.475.600	2.354.032.893
Lãi cho vay cá nhân	3.000.857.680	3.270.361.323
Quỹ Tráit tim Hùng Hậu (Bên liên quan)	500.000.000	500.000.000
Lãi tiền gửi dự thu của khoản tiền gửi có kỳ hạn	1.291.623.763	1.600.532.292
Công ty TNHH Việt Nam Harvest	661.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Phát triển Miền Tây	414.277.823	-
Các đối tượng khác	2.715.632.761	601.416.444
Cộng	11.276.867.627	8.326.342.952

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	1.844.758.357	-	1.031.388.421	-
- Công cụ, dụng cụ	2.351.064.159	-	2.437.904.044	-
- Chi phí SXKD dở dang	1.355.880.650	-	1.225.014.726	-
- Thành phẩm	371.406.444.040	-	349.223.811.130	-
- Hàng hóa	12.902.039	-	-	-
- Hàng hóa gửi bán	1.852.900.805	-	-	-
Cộng	378.823.950.050	-	353.918.118.321	-

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 đồng
- Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất: không phát sinh
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 230.000.000.000 đồng.

8. TÀI SẢN DỎ DANG DÀI HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Xây dựng cơ bản dở dang (*)	236.850.678.674	106.519.630.064
Cộng	236.850.678.674	106.519.630.064

(*) Ghi chú :

Dự án TTTM và Căn hộ cao cấp SJ1 Plaza	1.878.034.091	1.878.034.091
Dự án khác	123.514.000	123.514.000
Nhà máy 2 - Tân Phú Trung	210.981.818	210.981.818
Xây dựng mới kho lạnh 2000T - Gió Bắc	72.135.000	72.135.000
Dự án rừng Đắc Nông	3.842.138.100	3.049.541.572
Dự án 624 Âu Cơ	622.700.000	622.700.000
Dự án Nhà máy Happyfood Vietnam	230.101.175.665	100.562.723.583
Cộng	236.850.678.674	106.519.630.064



9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	165.247.020.572	93.327.751.649	7.487.646.957	2.096.034.376	268.158.453.554
Số tăng trong năm	2.140.390.318	4.844.172.876	-	1.126.760.602	8.111.323.796
- Mua trong năm	-	3.666.067.760	-	1.126.760.602	4.792.828.362
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	2.140.390.318	-	-	-	2.140.390.318
- Tăng khác (thuê tài chính)	-	1.178.105.116	-	-	1.178.105.116
Số giảm trong năm	372.524.000	1.293.211.000	1.129.861.002	-	2.795.596.002
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	372.524.000	1.293.211.000	1.129.861.002	-	2.795.596.002
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	167.014.886.890	96.878.713.525	6.357.785.955	3.222.794.978	273.474.181.348
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	44.032.496.701	69.288.228.724	5.826.576.118	2.096.034.376	121.243.335.919
Số tăng trong năm	5.531.276.581	6.669.950.263	435.862.995	79.479.801	12.716.569.640
- Khấu hao trong năm	5.531.276.581	6.146.339.065	435.862.995	79.479.801	12.192.958.442
- Tăng khác (thuê tài chính)	-	523.611.198	-	-	523.611.198
Số giảm trong năm	332.849.311	64.360.000	1.129.861.002	-	1.527.070.313
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	332.849.311	64.360.000	1.129.861.002	-	1.527.070.313
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	49.230.923.971	75.893.818.987	5.132.578.111	2.175.514.177	132.432.835.246
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	121.214.523.871	24.039.522.925	1.661.070.839	-	146.915.117.635
Tại ngày cuối năm	117.783.962.919	20.984.894.538	1.225.207.844	1.047.280.801	141.041.346.102

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay 89.932.827.440 VND
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 40.404.323.104 VND
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý - VND

10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Giấy phép và Giấy phép nhượng quyền	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	101.888.720.014	-	-	393.100.000	-	-	102.281.820.014
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	101.888.720.014	-	-	393.100.000	-	-	102.281.820.014
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	10.236.535.288	-	-	341.093.935	-	-	10.577.629.223
Số tăng trong năm	1.184.671.824	-	-	13.749.996	-	-	1.198.421.820
- Khấu hao trong năm	1.184.671.824	-	-	13.749.996	-	-	1.198.421.820
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	11.421.207.112	-	-	354.843.931	-	-	11.776.051.043
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	91.652.184.726	-	-	52.006.065	-	-	91.704.190.791
Tại ngày cuối năm	90.467.512.902	-	-	38.256.069	-	-	90.505.768.971

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:

88.598.556.002 VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

283.100.000 VND



11 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ thuê tài chính khác	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	-	11.880.532.637	-	-	11.880.532.637
Số tăng trong năm	-	2.222.661.907	1.488.354.887	-	3.711.016.794
- Thuê tài chính trong năm	-	2.222.661.907	1.488.354.887	-	3.711.016.794
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	1.174.232.116	-	-	1.174.232.116
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	1.174.232.116	-	-	1.174.232.116
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	12.928.962.428	1.488.354.887	-	14.417.317.315
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	1.516.564.291	-	-	1.516.564.291
Số tăng trong năm	-	1.723.113.228	139.533.264	-	1.862.646.492
- Khấu hao trong năm	-	1.723.113.228	139.533.264	-	1.862.646.492
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	523.611.198	-	-	523.611.198
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	523.611.198	-	-	523.611.198
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	2.716.066.321	139.533.264	-	2.855.599.585
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	10.363.968.346	-	-	10.363.968.346
Tại ngày cuối năm	-	10.212.896.107	1.348.821.623	-	11.561.717.730

Ghi chú:

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm
- Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm
- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được quyền mua tài sản

: không

: không

: không



12 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

12.1 Ngắn hạn

Ngân hàng	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	22.981.213.615	22.981.213.615	53.490.316.620	53.449.778.409	22.940.675.404	22.940.675.404
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	245.839.300.000	245.839.300.000	511.633.500.000	504.990.200.000	239.196.000.000	239.196.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	15.358.390.815	15.358.390.815	55.454.863.245	59.074.328.546	18.977.856.116	18.977.856.116
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh An Phú	93.201.627.000	93.201.627.000	202.521.182.840	207.247.091.840	97.927.536.000	97.927.536.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	221.571.378.710	221.571.378.710	500.306.413.213	492.508.614.924	213.773.580.421	213.773.580.421
Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank, Ltd - Chi nhánh TP. HCM	35.412.000.000	35.412.000.000	61.687.188.352	26.275.188.352	-	-
b. Nợ dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh An Phú	4.996.400.004	4.996.400.004	4.996.400.000	4.996.400.000	4.996.400.004	4.996.400.004
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	7.766.366.000	7.766.366.000	7.766.366.000	9.100.116.000	9.100.116.000	9.100.116.000
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	2.184.327.416	2.184.327.416	2.184.327.416	1.087.498.644	1.087.498.644	1.087.498.644
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.250.000.004	1.250.000.004	1.250.000.004	1.250.000.004	1.250.000.004	1.250.000.004
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh An Phú	26.214.832.000	26.214.832.000	26.214.832.000	8.537.124.000	8.537.124.000	8.537.124.000
Cộng	676.775.835.564	676.775.835.564	1.427.505.389.690	1.368.516.340.719	617.786.786.593	617.786.786.593

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Số/ngày của hợp đồng vay	Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số cuối năm	Hình thức đảm bảo khoản vay
Bản sửa đổi UOB/HCMC/CASL/20234 ngày 26/02/2021 của Hợp đồng tín dụng UOB/HCMC/CASL/18202 - tự động gia hạn sau 1 năm	Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	12 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	22.981.213.615	
201918906827 ngày 12/07/2022 và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung cấp tín dụng hạn mức số 01/201918906827 ngày 19/07/2023; số 02/201918906827 ngày 22/08/2023; 03/201918906827 ngày 31/07/2024	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	12 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	245.839.300.000	Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu công trình trên đất, NCVKT, PTVT của Công ty, Quyền đòi nợ từ các thương vụ xuất khẩu do Sacombank tài trợ, Hàng tồn kho
CVL.DN.2560.170724 ngày 06/08/2024	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	12 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	15.358.390.815	Tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại ACB, Hàng tồn kho của Công ty, khoản phải thu, quyền tài sản từ hợp đồng xuất khẩu
1606-LAV-202300141 ngày 10/05/2024	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh An Phú	12 tháng (đến hết ngày 03/05/2025)	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	93.201.627.000	Quyền sử dụng đất, NCVKT, PTVT của Công ty, Hàng tồn kho của Công ty, Bất động sản của bên thứ 3
01/2024/1777831/HĐTD ngày 27/08/2024	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	12 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	221.571.378.710	Quyền thuê đất, NCVKT, MMTB, PTVT của Công ty



HNHCMCFL-S/10/2024 ngày 01/03/2024	Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank, Ltd - Chi nhánh TP. HCM	12 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	35.412.000.000	Tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Hua Nan, Tài sản cá nhân của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc
1606-LAV-202200841 ngày 11/11/2022	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Phú	84 tháng	Tuỳ theo từng kế ước cụ thể	26.214.832.000	Dự án Nhà máy Happyfood
1606-LDS202001537	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Phú	60 tháng		296.400.000	
1606-LAV201600721 ngày 07/09/2016		120 tháng		4.700.000.004	
LD1511700300	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	120 tháng		1.866.290.000	
LD1623100128	(Sacombank)	60 tháng		4.530.000.000	
LD1728500607		120 tháng		1.370.076.000	
2021-00195-000 ngày 26/01/2022	Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	48 tháng		695.145.216	
2021-00196-000 ngày 26/01/2022		48 tháng		392.353.424	
2023-00234-000 ngày 24/10/2023		36 tháng		428.473.392	
2023-00233-000 ngày 02/11/2023		36 tháng		361.872.036	
2024-00002-000 ngày 26/01/2024		36 tháng		32.811.336	
2024-00001-000 ngày 05/02/2024		36 tháng		128.263.668	
2024-00093-000 ngày 03/06/2024		36 tháng		32.811.336	
2024-00092-000 ngày 03/06/2024		36 tháng		112.597.008	
2024-00002-000 ngày 26/01/2024	Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	48 tháng		1.250.000.004	

Cộng

676.775.835.564

12.2. Dài hạn

Ngân hàng	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh An Phú	4.776.099.996	4.776.099.996	-	4.996.400.000	9.772.499.996	9.772.499.996
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	7.579.600.000	7.579.600.000	-	7.766.366.000	15.345.966.000	15.345.966.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh An Phú	111.421.044.000	111.421.044.000	89.000.000.000	37.338.832.000	59.759.876.000	59.759.876.000
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	2.191.735.820	2.191.735.820	4.047.184.244	3.627.786.517	1.772.338.093	1.772.338.093
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	2.187.499.991	2.187.499.991	-	1.250.000.004	3.437.499.995	3.437.499.995
Cộng	128.155.979.807	128.155.979.807	93.047.184.244	54.979.384.521	90.088.180.084	90.088.180.084

Chi tiết các khoản vay dài hạn tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Số/ngày của hợp đồng vay	Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số cuối năm	Hình thức đảm bảo khoản vay
1606-LDS202001537	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh An Phú	60 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	76.100.000	Quyền sử dụng đất, NCVKT, PTVT của Công ty
1606-LAV201600721 ngày 07/09/2016		120 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	4.699.999.996	
LD1623100128	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	60 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	4.530.000.000	Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu công trình trên đất,
LD1728500607		120 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	3.049.600.000	NCVKT, PTVT của Công ty
1606-LAV-202200841 ngày 11/11/2022	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh An Phú	84 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	111.421.044.000	Dự án Nhà máy Happyfood

2021-00195-000 ngày 26/01/2022	Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	48 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	521.358.888
2021-00196-000 ngày 26/01/2022		48 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	163.480.565
2023-00234-000 ngày 24/10/2023		36 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	571.297.824
2023-00233-000 ngày 02/11/2023		36 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	422.184.034
2024-00002-000 ngày 26/01/2024		36 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	46.482.718
2024-00001-000 ngày 05/02/2024		36 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	203.084.137
2024-00093-000 ngày 03/06/2024		36 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	57.419.830
2024-00092-000 ngày 03/06/2024		36 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	206.427.824
64/2023/CN.MN-CTTC ngày 12/06/2023	Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	48 tháng	Theo từng lần giải ngân và từng hợp đồng cụ thể	2.187.499.991
Cộng				<u><u>128.155.979.807</u></u>



12.3. Các khoản nợ thuê tài chính

Thời hạn	Năm nay			Năm trước		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống						
Trên 1 năm đến dưới 5 năm	4.477.349.641	696.391.892	3.780.957.749	5.975.243.958	558.622.094	5.416.621.864
Trên 5 năm						

12.4. Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán: không có

12.5. Các khoản vay và thuê tài chính đối với các bên liên quan: không có



13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
13.1. Ngắn hạn		
- Tiền thuê đất	1.315.266.746	1.415.552.249
- CCDC xuất dùng	245.568.450	91.159.874
- Bảo hiểm tài sản	324.585.383	317.789.702
- Chi phí khác	697.635.643	352.262.702
Cộng	<u>2.583.056.222</u>	<u>2.176.764.527</u>
13.2. Dài hạn		
- Tiền thuê đất	39.274.895.365	40.783.826.521
- CCDC xuất dùng	2.070.260.656	1.430.862.151
- Chi phí sửa chữa	11.412.693.415	3.454.711.171
- Chi phí khác	-	-
Cộng	<u>52.757.849.436</u>	<u>45.669.399.843</u>

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
14.1. Ngắn hạn				
Công ty TNHH Phát triển Năng lượng Xuyên Chi	2.388.215.504	2.388.215.504	-	-
Các đối tượng khác	35.132.843.767	35.132.843.767	28.500.688.531	28.500.688.531
14.2. Dài hạn				
Công ty TNHH Phát triển Năng lượng Xuyên Chi	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-
Các đối tượng khác	16.274.133.236	16.274.133.236	15.982.472.961	15.982.472.961
14.3. Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu	16.504.248.170	16.504.248.170	2.922.230.602	2.922.230.602
Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu	185.251.482	185.251.482	-	-
Cộng	<u>85.484.692.159</u>	<u>85.484.692.159</u>	<u>47.405.392.094</u>	<u>47.405.392.094</u>

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Ngắn hạn				
Các đối tượng chiếm từ 10% trên tổng số Người mua trả tiền trước	1.880.858.495	1.880.858.495	-	-
Các đối tượng khác	766.838.772	766.838.772	1.022.907.264	1.022.907.264
Cộng	<u>2.647.697.267</u>	<u>2.647.697.267</u>	<u>1.022.907.264</u>	<u>1.022.907.264</u>

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
16.1. Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	112.688.606	112.688.606	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	4.553.381	4.553.381	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.953.170.734	8.500.660.722	11.934.472.245	10.519.359.211
Thuế thu nhập cá nhân	1.527.435.698	1.385.677.350	1.218.273.958	1.694.839.090
Thuế tài nguyên	6.588.160	49.354.240	40.394.240	15.548.160
Tiền thuê đất, thuế sử dụng đất	4.477.430.207	4.760.186.751	4.569.929.674	4.667.687.284
Thuế môn bài	-	9.000.000	9.000.000	-
Cộng	19.964.624.799	14.822.121.050	17.889.312.104	16.897.433.745
16.2. Thuế và các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	55.114.609	-	-	55.114.609
Cộng	55.114.609	-	-	55.114.609

Ghi chú: Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
17.1. Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	1.917.416.611	1.711.205.191
- BHXH, BHYT, BHTN	1.286.374.460	6.993.314.621
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	178.796.400	144.055.600
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	631.419.058	762.005.689
Cộng	4.014.006.529	9.610.581.101
17.2 Dài hạn		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	58.739.857.000	35.454.300.000
Cộng	58.739.857.000	35.454.300.000
Khoản phải trả khác của các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu (dài hạn)	58.739.857.000	35.454.300.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu (ngắn hạn)	12.960.000	-
Quỹ Trái tim Hùng Hậu (ngắn hạn)	5.000.000	5.000.000
Cộng	58.757.817.000	35.459.300.000

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	234.851.540.000	46.428.827.960	(10.100.000)	5.011.297.455	17.281.653.388		303.563.218.803
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	10.713.529.280	-	10.713.529.280
- Tăng khác	-	-	-	-	-	30.421.099.975	30.421.099.975
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(14.571.409.923)	-	(14.571.409.923)
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (do thay đổi tỷ lệ góp vốn tại công ty con)	-	-	-	-	(40.764.210)	-	(40.764.210)
Số dư đầu năm nay	234.851.540.000	46.428.827.960	(10.100.000)	5.011.297.455	13.383.008.535	30.421.099.975	330.085.673.925
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	13.185.200.000	13.185.200.000
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	31.358.513.048	14.731.162	31.373.244.210
- Tăng khác (do thay đổi tỷ lệ góp vốn tại công ty con)	-	-	-	-	69.819.500	(69.819.500)	-
- Tăng khác (do tăng vốn)	-	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(12.063.477.878)	-	(12.063.477.878)
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	234.851.540.000	46.428.827.960	(10.100.000)	5.011.297.455	32.747.863.205	43.551.211.637	362.580.640.257



18.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm
- Vốn góp của Công ty mẹ (Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu)	51,287%	120.448.160.000	51,287%	120.448.160.000
- Trường Đại học Văn Hiến	8,054%	18.913.910.000	8,054%	18.913.910.000
- Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam-Công ty Cổ phần	9,995%	23.474.530.000	9,995%	23.474.530.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	30,664%	72.014.940.000	30,664%	72.014.940.000
Cộng		234.851.540.000		234.851.540.000

- Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.010 cổ phiếu

18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	234.851.540.000	234.851.540.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	234.851.540.000	234.851.540.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	(12.063.477.878)	(14.571.409.923)

18.4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.485.154	23.485.154
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.485.154	23.485.154
+ Cổ phiếu phổ thông	23.485.154	23.485.154
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.010	1.010
+ Cổ phiếu phổ thông	1.010	1.010
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.484.144	23.484.144
+ Cổ phiếu phổ thông	23.484.144	23.484.144
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

18.5. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	5%	6%
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

18.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	5.011.297.455	5.011.297.455
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	86.587,15	13.803,78
- EUR	862,85	4.099,29
- CNY	2.775,20	2.775,20
- SGD	900,00	-
- JPY	20.000,00	-
- IDR	3.824.000,00	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	72.065.875.424	-
- Doanh thu bán thành phẩm	1.371.846.820.509	1.318.213.998.634
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	94.593.172.958	78.598.608.233
Cộng	1.538.505.868.891	1.396.812.606.867

Trong đó:

Doanh thu xuất khẩu	356.011.412.361	242.543.260.112
Doanh thu nội địa	1.182.494.456.530	1.154.269.346.755
Cộng	1.538.505.868.891	1.396.812.606.867

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	5.057.398	8.193.489
- Giảm giá hàng bán	-	17.210.200
- Hàng bán bị trả lại	575.231.435	26.836.782
Cộng	580.288.833	52.240.441

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng hóa	61.961.859.511	-
- Giá vốn thành phẩm	1.301.211.327.108	1.257.378.784.736
- Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	54.061.274.787	40.662.614.457
Cộng	1.417.234.461.406	1.298.041.399.193

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.775.267.979	8.018.477.594
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.501.967.006	4.164.307.122
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.233.757.667	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.196.952.000	89.331.200
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	20.420.180	-
Cộng	23.728.364.832	12.272.115.916

5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	46.021.425.705	54.692.276.002
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.084.630.334	4.206.651.369
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.530.073.379
- Chi phí tài chính khác	111.802.940	-
Cộng	53.217.858.979	60.429.000.750

6 . THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	164.870.766	1.626.321.402
- Thu bồi thường, hỗ trợ	432.411.650	330.098.000
- Điều chỉnh nợ	18.000.600	-
- Các khoản khác	470.488.911	154.751.375
Cộng	1.085.771.927	2.111.170.777

7 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản tiền nộp phạt kể cả vi phạm hành chính	2.685.183.923	654.672.505
- Điều chỉnh nợ	20.000.000	-
- Các khoản khác	193.894.145	56.707.497
Cộng	2.899.078.068	711.380.002

8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
8.1. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân công	8.872.679.957	5.920.678.206
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.897.304.543	4.564.930.379
- Chi phí khác bằng tiền	4.244.128.160	2.758.703.373
Cộng	23.014.112.660	13.244.311.958

8.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí công cụ, dụng cụ	11.876.068	
- Chi phí nhân công	17.435.594.373	11.485.109.753
- Chi phí khấu hao	595.347.379	390.015.118
- Thuế, phí, lệ phí	20.258.018	16.493.904
- Hoàn nhập các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi	(87.639.878)	(1.012.601.798)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.998.277.975	2.876.246.451
- Chi phí khác bằng tiền	4.731.382.762	5.870.242.015
Cộng	26.705.096.697	19.625.505.463

9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.253.962.556.413	1.251.737.818.427
- Chi phí nhân công	88.600.911.123	66.618.718.453
- Chi phí khấu hao TSCĐ	15.304.312.656	15.137.574.579
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.459.957.830	20.935.959.580
- Chi phí bằng tiền khác	28.065.211.942	28.516.151.655
Cộng	1.427.392.949.964	1.382.946.222.694

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	8.500.660.722	8.358.361.699
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Cộng	8.500.660.722	8.358.361.699

11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	31.358.513.048	10.713.529.280
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	31.358.513.048	10.713.529.280
Thù lao từ lợi nhuận sau thuế	(940.755.391)	(321.405.878)
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	23.484.144	23.484.144
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.295	443

12. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	31.358.513.048
Thù lao từ lợi nhuận sau thuế	(940.755.391)
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	19.987.562
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	23.484.144
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	700

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

Trong năm tài chính từ 01/10/2023 đến 30/09/2024, Công ty không phát sinh các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng

Trong năm tài chính từ 01/10/2023 đến 30/09/2024, Công ty có các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trị giá 14.000.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Á Châu, 20.170.000.000 đồng tại Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank Ltd - Chi nhánh TP. HCM và 23.800.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Điền Sài Gòn do công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng do khoản tiền này được dùng đảm bảo cho các khoản vay tại 3 ngân hàng trên.

3. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay	Năm trước
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.474.093.464.270	1.371.352.882.666
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-	-

4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm nay	Năm trước
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.378.673.508.771	1.294.952.858.987
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-	-

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Thông tin về Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo các đơn vị dịch vụ và lĩnh vực kinh doanh:

Khoản mục	Bán thành phẩm, hàng hoá	Cung cấp dịch vụ và hoạt động khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần	1.443.332.407.100	94.593.172.958	1.537.925.580.058
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.443.332.407.100	94.593.172.958	1.537.925.580.058
Giá vốn	1.363.173.186.619	54.061.274.787	1.417.234.461.406
Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	1.363.173.186.619	54.061.274.787	1.417.234.461.406
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	80.159.220.481	40.531.898.171	120.691.118.652
Doanh thu hoạt động tài chính			23.728.364.832
Chi phí tài chính			53.217.858.979
Phần lãi / (lỗ) trong công ty liên kết			
Chi phí bán hàng			23.014.112.660
Chi phí quản lý doanh nghiệp			26.705.096.697
Thu nhập khác			1.085.771.927
Chi phí khác			2.899.078.068
Chi phí thuế TNDN hiện hành			8.500.660.722
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(204.795.925)
Tổng lợi nhuận sau thuế			31.373.244.210
Tổng chi phí mua tài sản			
Tài sản bộ phận			
Tài sản bộ phận phân bổ			1.310.887.314.653
Tài sản không phân bổ			30.825.500.000
Tổng tài sản			1.341.712.814.653
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp			
Nợ phải trả bộ phận phân bổ			174.200.359.025
Nợ phải trả không phân bổ			804.931.815.321
Tổng cộng nợ			979.132.174.396

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính:

Trong tháng 10/2024, Công ty đã hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng tăng vốn góp của chủ sở hữu từ 234.851.540.000 đồng lên 434.727.160.000 đồng, thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, sửa đổi Điều lệ Công ty, lưu ký bổ sung lượng cổ phiếu mới phát hành từ ngày 14/11/2024.

3. Thông tin về các bên liên quan**3.1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc.

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt:

Chi phí của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Năm nay	Năm trước
Ông Từ Thanh Phụng	566.381.200	502.767.500
Ông Vũ Quang Chính	429.169.440	391.543.050
Ông Nguyễn Văn Dol	452.072.127	377.224.697
Ông Nguyễn Tú Kỳ	62.765.611	692.823.869
Bà Nguyễn Yến	208.759.676	191.675.000
Ông Lê Phạm Công Hoang	658.326.831	-
Bà Nguyễn Thu Trang	156.218.588	-
Cộng	2.533.693.473	2.156.034.116

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Năm nay	Năm trước
Ông Từ Thanh Phụng	72.000.000	72.000.000
Bà Phạm Thị Minh Nguyệt	61.200.000	61.200.000
Ông Trần Thanh Hương	-	13.500.000
Bà Huỳnh Thanh	54.000.000	54.000.000
Ông Vũ Quang Chính	54.000.000	54.000.000
Ông Tôn Thất Diên Khoa	-	13.500.000
Bà Lê Thị Thùy Phương	54.000.000	40.500.000
	295.200.000	308.700.000

Giao dịch khác:

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị
Ông Vũ Quang Chính	Thu khác	1.310.607
	Chi khác	1.310.607
Ông Lê Phạm Công Hoang	Hoàn tạm ứng	70.000.000
	Thu khác	33.663
	Chi khác	33.663
	Tạm ứng	5.000.000
Bà Nguyễn Thị Mỹ Diệu	Hoàn tạm ứng	20.000.000
	Thu khác	10.759.500
	Chi khác	10.759.500
	Thu khác	31.426.043
Bà Nguyễn Thu Trang	Chi khác	31.426.043

Tại ngày kết thúc năm tài chính, không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt.

3.2. Giao dịch với các bên liên quan cá nhân khác: không phát sinh

3.3. Giao dịch với các bên liên quan là tổ chức

Bên liên quan	Mối quan hệ	Sở hữu vốn
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Công ty mẹ	51,287%
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn	9,995%
Trường Đại Học Văn Hiến	Cổ đông lớn, Thành viên cùng Tập đoàn	8,054%
Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu	Thành viên cùng Tập đoàn	
Quỹ Trái tim Hùng Hậu	Thành viên cùng Tập đoàn	
Công ty TNHH Xăng dầu Hùng Hậu	Thành viên cùng Tập đoàn	
Công ty Cổ phần Giáo dục Hùng Hậu	Thành viên cùng Tập đoàn	
Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu	Thành viên cùng Tập đoàn	
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu	Thành viên cùng Tập đoàn	

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Bán hàng hoá, dịch vụ	3.108.911.068
	Thu tiền bán hàng	396.005.261
	Mượn tiền	120.441.800.000
	Trả lại tiền mượn	97.156.243.000
Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu	Bán hàng hoá, dịch vụ	246.500
	Thu tiền bán hàng	197.221.900
Trường Đại Học Văn Hiến	Bán hàng hoá, dịch vụ	50.055.265.340
	Thu tiền bán hàng	50.284.424.457
Công ty TNHH Xăng dầu Hùng Hậu	Bán hàng hoá, dịch vụ	13.788.871
	Thu tiền bán hàng	14.891.880
Công ty Cổ phần Giáo dục Hùng Hậu	Bán hàng hoá, dịch vụ	850.136.461
	Thu tiền bán hàng	221.380.711
	Chi phí khác	11.400.000
Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu	Bán thanh lý tài sản	23.115.346
	Thu tiền thanh lý tài sản	50.000.000
	Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	8.516.367
	Mua hàng hóa, dịch vụ	171.529.150
	Bán hàng hoá, dịch vụ	43.364.236.005
	Thu tiền bán hàng	58.224.191.098
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu	Mua hàng hoá, dịch vụ	13.512.897.537
	Cho vay tiền	8.764.000.000
	Cho mượn tiền	10.650.000.000
	Thu lại tiền cho mượn	23.270.000.000
	Thu lãi cho vay	5.069.032.893
	Lãi cho vay	4.727.475.600
	Cổ tức được chia	6.181.000.000
	Thu cổ tức	5.300.000.000
	Mua hàng hoá, dịch vụ	1.000.000
	Quỹ trái tim Hùng Hậu	

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung	Số dư
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Phải thu khách hàng	5.884.407.080
	Phải trả khác	58.752.817.000
Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu	Phải thu khách hàng	13.031.413.656
	Phải thu khác	500.000.000
Quỹ Trái tim Hùng Hậu	Phải trả khác	5.000.000
Trường Đại Học Văn Hiến	Phải thu khách hàng	8.771.277.828
Công ty Cổ phần Giáo dục Hùng Hậu	Phải thu khách hàng	1.520.400.000

Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu	Phải thu khách hàng	155.268.228
	Phải trả người bán	185.251.482
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu	Phải thu khách hàng	26.328.435.489
	Phải thu khác	2.693.475.600
	Phải trả người bán	16.504.248.170
	Phải thu cho vay	42.155.000.000

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính từ 01/10/2022 đến 30/09/2023 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt.

Người lập biểu



VŨ THỊ MINH NGUYỆT

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ MỸ DIỆU

Lập, ngày 02 tháng 12 năm 2024

Tổng Giám đốc



 NGUYỄN HOÀNG TÂN
